

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3978/BKHĐT-TH

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2014

KHUNG HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2015

Thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2015, Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi đến quý cơ quan Khung hướng dẫn xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2015.

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2014
VÀ KHẢ NĂNG THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI
VỀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2014

Căn cứ các Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách trung ương năm 2014, Thủ tướng Chính phủ đã ra các quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước (bao gồm các chương trình mục tiêu quốc gia), vốn trái phiếu Chính phủ năm 2014¹.

¹ Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các Quyết định: số 2336/QĐ-TTg ngày 30/11/2013 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2014; số 2337/QĐ-TTg ngày 30/11/2013 về việc giao dự toán NSNN năm 2014; số 2617/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN năm 2014; số 2426/QĐ-TTg ngày 12/12/2013 về việc giao kế hoạch vốn TPCP giai đoạn 2014-2016 cho các dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1A và đường Hồ Chí Minh đoạn Tây Nguyên; số 184/QĐ-TTg ngày 24/01/2014 về việc giao kế hoạch vốn TPCP bổ sung giai đoạn 2014-2016 cho các dự án dở dang đã có trong danh mục vốn TPCP giai đoạn 2012-2015 và Dự án Luồng cho tàu biển có trọng tải lớn vào sông Hậu; số 116/QĐ-TTg ngày 16/01/2014 về việc điều chỉnh kế hoạch vốn TPCP giai đoạn 2012-2015; số 117/QĐ-TTg ngày 16/01/2014 về việc giao kế hoạch vốn TPCP năm 2014; số 118/QĐ-TTg ngày 16/01/2014 về việc giao kế hoạch vốn TPCP năm 2014 cho các dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1A và đường Hồ Chí Minh đoạn Tây Nguyên; số 185/QĐ-TTg ngày 24/1/2014 cho dự án Luồng cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu; số 195/QĐ-TTg ngày 25/01/2014 về việc giao kế hoạch vốn TPCP năm 2014 thực hiện chương trình MTQG về

Đồng thời với việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 02/01/2014 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2014.

Dưới đây là đánh giá về tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm, dự báo khả năng thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2014 và một số giải pháp chủ yếu cần tập trung thực hiện trong 6 tháng cuối năm:

1. VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2014

Trong 6 tháng đầu năm 2014, dưới sự chỉ đạo tập trung, quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, sự nỗ lực của các cấp, các ngành, các doanh nghiệp và toàn dân trong việc triển khai thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra trong Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 02/01/2014 và Nghị quyết các phiên họp thường kỳ của Chính phủ, tình hình kinh tế - xã hội trong 6 tháng đầu năm 2014 tiếp tục đà phục hồi, có nhiều chuyển biến và đạt được những kết quả tích cực. Tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực trong nền kinh tế đều có cải thiện, đã tạo điều kiện đưa tăng trưởng GDP 6 tháng đầu năm lên 5,04-5,25%. Sản xuất công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến, chế tạo chuyển biến tích cực. Sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản tiếp tục phát triển tương đối ổn định. Lĩnh vực dịch vụ phát triển khá và đóng góp lớn nhất vào tăng trưởng GDP. Xuất khẩu tiếp tục duy trì đà tăng trưởng. Lạm phát tiếp tục được kiểm soát ở mức thấp, giá cả, thị trường khá ổn định, cung - cầu hàng hóa được đảm bảo; thu ngân sách nhà nước đạt khá so với dự toán. Lãi suất huy động và cho vay tiếp tục được điều chỉnh giảm, cơ cấu tín dụng có chuyển biến. Tỷ giá, thị trường ngoại tệ ổn định, dự trữ ngoại tệ tăng cao. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đăng ký và thực hiện tăng; tiến độ giải ngân vốn ODA đạt khá. Tiến trình tái cơ cấu đầu tư đạt kết quả bước đầu tích cực. An sinh xã hội được đảm bảo, các chính sách đối với người có công, người nghèo, người dân tộc thiểu số được quan tâm. Chính trị, xã hội ổn định. Công tác cải cách hành chính, giải quyết khiếu nại, tố cáo và đấu tranh phòng chống tham nhũng được chú trọng; công tác đối ngoại được đẩy mạnh.

Tuy nhiên, tình hình kinh tế - xã hội vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức, chứa đựng nhiều rủi ro: kinh tế vĩ mô chưa thực sự ổn định vững chắc. Tổng cầu vẫn còn yếu. Tốc độ tăng trưởng tín dụng chậm; khả năng tiếp cận vốn tín dụng của các doanh nghiệp còn khó khăn; xử lý nợ xấu còn chậm so với yêu cầu; việc làm, thu nhập và đời sống của một bộ phận dân cư còn gặp khó khăn; một số dịch bệnh ở trẻ em diễn ra trên diện rộng; các tệ nạn xã hội, tội phạm ở một số nơi còn diễn biến phức tạp. Việc Trung Quốc đưa giàn khoan HD-981 trái phép vào trong thềm lục địa của Việt Nam trên biển Đông và một số hành động gây rối, vi phạm pháp luật, manh động, phá hoại cơ sở sản xuất, trong đó có cơ sở sản xuất của nhà đầu tư nước ngoài đã ảnh hưởng xấu đến sản xuất kinh doanh và môi trường đầu tư của nước ta.

Dưới đây là tình hình cụ thể về phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2014:

1. Về thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế:

Nhờ việc triển khai thực hiện tốt các giải pháp, chính sách hỗ trợ và thúc đẩy sản xuất, kinh doanh trong Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 02 tháng 1 năm 2014 của Chính phủ và các Nghị quyết các phiên họp thường kỳ của Chính phủ, tình hình kinh tế có nhiều chuyển biến và đạt được những kết quả tích cực.

a) Về tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước:

Trong 6 tháng đầu năm 2014, mặc dù có ảnh hưởng của tình hình bất ổn trên biển Đông và một số hành động gây rối, phá hoại tài sản của doanh nghiệp, nhưng nhìn chung tình hình chung của nền kinh tế, cũng như trong các ngành, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp tiếp tục phục hồi và phát triển khá ổn định. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý I/2014 tăng 5,09%, quý II/2014 tăng 5,25%.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2014, GDP ước tăng 5,18% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,96%; công nghiệp và xây dựng tăng 5,33%; dịch vụ tăng 6,01%.

b) Về sản xuất công nghiệp:

Ước 6 tháng đầu năm 2014, chỉ số phát triển công nghiệp IIP tăng 5,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: khai khoáng giảm 2,5%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 7,8%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt tăng 10,9%; cung

cấp nước, xử lý rác thải, nước thải tăng 5,9%. Sản xuất công nghiệp có chiều hướng cải thiện dần trong 6 tháng đầu năm 2014: 3 tháng đầu năm tăng 5,2%; 4 tháng tăng 5,4%; 5 tháng tăng 5,6%; ước 6 tháng tăng 5,8%.

Ngành công nghiệp đã đáp ứng cơ bản tư liệu sản xuất, sản phẩm tiêu dùng trong nước, duy trì thị trường trong nước tương đối ổn định. Các sản phẩm chủ yếu thỏa mãn nhu cầu sản xuất và tiêu dùng trong nước như xi măng, thép xây dựng thông thường, thép cán nguội, phân lân, than đá, quần áo may sẵn, da giày, gạch ốp lát, đồ điện gia dụng.... Ngành điện đã khắc phục được tình trạng thiếu điện đảm bảo cung ứng đủ điện cho nhu cầu sản xuất, sinh hoạt và còn có dự phòng khá cao.

Tuy nhiên, hoạt động đầu tư kinh doanh trong các ngành công nghiệp phụ trợ chưa phát triển, chưa thu hút được nhiều sự quan tâm của các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Một số ngành vẫn có tỷ lệ gia công cao như da giày, dệt may, dây và cáp điện, điện tử... Nguyên liệu gia công trong ngành còn phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu.

c) Về sản xuất nông nghiệp:

Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản đã vượt qua nhiều khó khăn do thời tiết khắc nghiệt trong những tháng đầu năm ở miền Bắc và dịch bệnh, bảo đảm sản xuất phát triển ổn định. Giá trị sản xuất toàn ngành ước 6 tháng đạt 357.443 tỷ đồng, tăng 3,43% so với cùng kỳ năm trước, đạt mức tăng trưởng cao nhất so với cùng kỳ các năm gần đây (năm 2013 tăng 2,53%; năm 2012 tăng 2,81%; năm 2011: 2,08%), trong đó: nông nghiệp tăng 2,52%, lâm nghiệp tăng 5,87% và thủy sản tăng 6,02%.

Các địa phương phía Nam cơ bản đã thu hoạch xong lúa Đông xuân và xuống giống các loại cây trồng vụ Hè thu. Vụ Đông xuân cả nước gieo cấy được 3116,3 nghìn ha lúa, tăng 0,3% so với năm trước. Sơ bộ năng suất ước đạt 66,9 tạ/ha, tăng 2,4 tạ/ha; sản lượng ước đạt 20,8 triệu tấn, tăng 812,2 nghìn tấn. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long năm nay được mùa lúa, sản lượng đạt 11,2 triệu tấn, tăng 546 nghìn tấn (tương đương 5,1%) so vụ Đông xuân 2013. Sản lượng lúa tăng do điều kiện thời tiết thuận lợi, sâu bệnh gây hại ít, không bị lũ lụt, phù sa bồi đắp vụ, cuối vụ ít bị hạn hán và không bị xâm nhập mặn nhiều như những năm trước. Giá lúa đang ở mức khá so với năm trước.

Tổng diện tích gieo trồng cây lâu năm 6 tháng đầu năm biến động

không nhiều so với cùng kỳ năm trước nhưng cơ cấu các loại cây trồng có sự biến động để phù hợp với điều kiện canh tác của mỗi vùng miền và đem lại hiệu quả kinh tế. Cây công nghiệp lâu năm tiếp tục phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Hiện nay do hồ tiêu đang được giá và là loại cây dễ trồng xen canh nên có xu hướng phát triển mạnh; sản lượng ước đạt 116,7 nghìn tấn, tăng 7% so với cùng kỳ năm trước. Cây cao su sản xuất ổn định nhưng thị trường tiêu thụ chậm giá thấp, sản lượng thu hoạch chỉ đạt 312,8 nghìn tấn tăng 1,2% so với cùng kỳ năm trước. Cây chè búp phát triển tương đối ổn định, sản lượng 6 tháng tăng 5% so với cùng kỳ năm trước.

Sản lượng một số cây ăn quả chủ yếu trong 6 tháng đầu năm cũng đạt khá, trong đó sản lượng cam ước tính đạt 278,39 nghìn tấn tăng 5,1% so với cùng kỳ năm trước; chuối đạt 1,01 triệu tấn, tăng 4,1%; đặc biệt sản lượng nho đạt 11,7 nghìn tấn tăng 10,7% so với cùng kỳ năm trước. Một số cây ăn quả khác như dưa, bưởi có sản lượng giảm là do lúc ra hoa kết trái gặp thời tiết không thuận lợi, và một số diện tích gieo trồng đang được cải tạo để chuyển đổi cơ cấu cây trồng cho phù hợp điều kiện canh tác và đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn.

Chăn nuôi cũng có dấu hiệu phục hồi, dịch bệnh được kiểm soát, tình trạng nhập lậu sản phẩm chăn nuôi, đặc biệt là gà thải loại đã giảm mạnh, giá sản phẩm chăn nuôi trong nước dần được tăng lên mức hợp lý, người chăn nuôi có lãi. Theo kết quả điều tra sơ bộ tại thời điểm 1/4/2014 cả nước có 26,39 triệu con lợn, bằng 100,3% so với cùng kỳ năm 2013. Hiện tại chăn nuôi lợn có nhiều thuận lợi do giá lợn hơi tăng và dịch bệnh được khống chế, người chăn nuôi đang tích cực đầu tư tái đàn.

Trong 6 tháng đầu năm 2014, do điều kiện thời tiết khô hạn tại nhiều địa phương trong cả nước làm ảnh hưởng đến sản xuất lâm nghiệp, tuy nhiên năm nay cũng có thuận lợi do các tỉnh miền bắc có mưa sớm nên đã triển khai công tác trồng rừng bảo đảm thời vụ. Tình hình khai thác lâm sản cũng khá quan, các loại lâm sản chủ yếu khai thác đều tăng khá so cùng kỳ năm 2013. Diện tích rừng trồng mới tập trung ước tính đạt 71,4 nghìn ha, tăng 4,8% so với cùng kỳ năm trước; trong đó chủ yếu là diện tích rừng sản xuất (trên 90%). Sản lượng gỗ khai thác trong sáu tháng đầu năm đạt 2.616 nghìn m³, tăng 8,5% so với cùng kỳ năm trước. Giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ 5 tháng đầu năm tăng 14,2% so cùng kỳ năm 2013.

Tính chung 6 tháng đầu năm, tổng sản lượng thủy sản là 2.866,5 nghìn tấn. Sản lượng thủy sản nuôi trồng ước đạt 1453 nghìn tấn, tăng 3,4%; Sản lượng khai thác ước đạt 1413,5 nghìn tấn, tăng 5,5% so cùng kỳ, trong đó

khai thác biển ước đạt 1328,7 nghìn tấn, tăng 5,6%. Tuy nhiên, ngành khai thác hiện đang bị ảnh hưởng lớn, do những hành động gây hấn của Trung Quốc tại biển Đông.

d) Về khu vực dịch vụ:

Đến hết tháng 4/2014, hầu hết các ngành dịch vụ đều có chuyển biến và tăng trưởng ổn định. Những ngành dịch vụ tăng trưởng khá trong giai đoạn này là dịch vụ thông tin và truyền thông, du lịch (lưu trú và ăn uống), vui chơi giải trí, bán buôn bán lẻ. Tuy nhiên, từ đầu tháng 5/2014, do sự kiện giàn khoan 981 và một số hành động gây rối ở một số địa phương đã có tác động tiêu cực tới các ngành dịch vụ nhạy cảm như du lịch, xuất nhập khẩu, tài chính ngân hàng, vận tải đường biển...

Tốc độ tăng trưởng khu vực dịch vụ trong 6 tháng đầu năm 2014 ước đạt khoảng 5,9-6%. Trong đó, các lĩnh vực dịch vụ có tốc độ tăng trưởng khá như: thương mại tăng 5,5-5,6%, thông tin và truyền thông tăng 9%, lưu trú, ăn uống tăng 7,1-7,3%, tài chính, ngân hàng tăng 5,6-5,8%, vận tải tăng 5,8%.

Xuất khẩu dịch vụ 6 tháng ước đạt 5.380 triệu USD, tăng 9% so với cùng kỳ năm 2013; nhập khẩu dịch vụ đạt 6.200 triệu USD, tăng 10% so với cùng kỳ.

Dịch vụ du lịch: Tổng số lượt khách du lịch quốc tế đến Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2014 ước đạt 4,4 triệu lượt, tăng 24,7% so với cùng kỳ năm 2013. Mức tăng này chủ yếu là ở 5 tháng đầu năm, sang tháng 6 do ảnh hưởng của tình hình căng thẳng trên biển Đông, số lượt khách du lịch quốc tế đến Việt Nam bắt đầu có xu hướng giảm mạnh (tháng 6/2014 ước đạt 450 nghìn lượt khách, giảm 33% so với tháng 5 và giảm 20% so với cùng kỳ năm trước). Các thị trường giảm mạnh khách du lịch chủ yếu là Trung Quốc, Đài Loan, Hồng Kông, Hàn Quốc, Nhật Bản.

Dịch vụ thông tin và truyền thông: Hạ tầng mạng lưới viễn thông, Internet tiếp tục được đầu tư phát triển mạnh mẽ, đặc biệt là mạng di động 3G. Số thuê bao điện thoại cố định 6 tháng đầu năm giảm 11% so với cùng kỳ. Số thuê bao điện thoại di động giảm 5,07% so với cùng kỳ. Tổng thuê bao internet tăng 9,2% so với cùng kỳ. Việt Nam cũng phát triển mới được hơn 42.000 tên miền, nâng tổng số tên miền ".vn" lên con số hơn 245.000 tên miền. Tổng doanh thu thuần bưu chính, viễn thông 6 tháng đầu năm ước đạt 122.000 tỷ đồng. Trong đó, doanh thu bưu chính ước đạt 5.000 tỷ đồng.

Dịch vụ vận tải: Ước 6 tháng đầu năm 2014, khối lượng vận tải hàng hoá đạt 514 triệu tấn, tăng 1,7% so với cùng kỳ năm trước, khối lượng luân chuyển đạt 106.800 triệu T.Km, tăng 121,7%; khối lượng vận chuyển hành khách đạt 1.506,2 triệu lượt hành khách, tăng 5,9% so với cùng kỳ, khối lượng luân chuyển 68.100 triệu HK.Km, tăng 33,2%.

Tổng mức lưu bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 6 tháng đầu năm 2014 ước đạt 1.439 nghìn tỷ đồng, tăng 10,7% so với cùng kỳ năm 2013 (nếu loại trừ yếu tố giá tăng 5,7%).

đ) Về xuất nhập khẩu:

Tổng kim ngạch xuất khẩu 6 tháng đầu năm 2014 ước đạt 70,9 tỷ USD, tăng 14,9% so với cùng kỳ năm 2013; trong đó, xuất khẩu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (không kể dầu thô) ước đạt 43,76 tỷ USD, tăng 17,2% và chiếm 61,7% tổng kim ngạch xuất khẩu. Xuất khẩu của khu vực 100% vốn trong nước ước đạt 23,05 tỷ USD, tăng 11,5%.

Về thị trường xuất khẩu 6 tháng năm 2014, ước xuất khẩu vào thị trường Mỹ tăng 20,1% và chiếm tỷ trọng 18,4% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước; xuất khẩu vào EU tăng 12,9% và chiếm tỷ trọng 18,5%; xuất khẩu vào ASEAN tăng 4,8% và chiếm tỷ trọng 13,5%; xuất khẩu vào Nhật Bản tăng 15,1% và chiếm tỷ trọng 10,2%; xuất khẩu vào Trung Quốc tăng 19,8% và chiếm tỷ trọng 10,4%.

Tổng kim ngạch nhập khẩu 6 tháng đầu năm 2014 của cả nước ước đạt 69,6 tỷ USD, tăng 11% so với cùng kỳ năm 2013, trong đó nhập khẩu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 39,3 tỷ USD, tăng 11,6% và chiếm 56,5% tổng kim ngạch nhập khẩu; nhập khẩu của khu vực 100% vốn trong nước ước đạt 30,3 tỷ USD, tăng 10,3%.

Về thị trường nhập khẩu từ Châu Á chiếm 81% tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam, trong đó nhập khẩu từ thị trường Trung Quốc tăng 19,9%, tỷ trọng ước đạt 29,4%; ASEAN tăng 5,5%, tỷ trọng 16%; Hàn Quốc tăng 4,5%, tỷ trọng 14,9%; Nhật Bản tăng 1,8%, tỷ trọng 9,4%.

6 tháng năm 2014, cả nước xuất siêu 1,32 tỷ USD, bằng 1,86% tổng kim ngạch xuất khẩu, trong đó khu vực FDI (không kể dầu thô) xuất siêu khoảng 4,46 tỷ USD; nếu kể cả dầu thô, khu vực FDI xuất siêu khoảng 8,53 tỷ USD. Nhập siêu của khu vực doanh nghiệp trong nước ước đạt 7,21 tỷ USD.

e) Về phát triển doanh nghiệp:

Trong 6 tháng đầu năm 2014, cả nước có 37.315 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với số vốn đăng ký 230.924 tỷ đồng, giảm 4,1% về số doanh nghiệp đăng ký thành lập và tăng 19,3% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2013. Về số doanh nghiệp gặp khó khăn buộc phải giải thể hoặc tạm ngừng hoạt động có đăng ký hoặc ngừng hoạt động chờ đóng mã số doanh nghiệp hoặc không đăng ký của cả nước là 33.454 doanh nghiệp, tăng 16,3% so với cùng kỳ năm 2013, bao gồm: 6.066 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động có đăng ký, 22.637 doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ đóng mã số doanh nghiệp hoặc không đăng ký, 4.751 doanh nghiệp giải thể. Số doanh nghiệp khó khăn rơi vào tình trạng ngừng hoạt động nay quay trở lại hoạt động trong 6 tháng đầu năm 2014 là 8.322 doanh nghiệp, giảm 10,7% so với cùng kỳ năm 2013.

Trong tháng 5 do ảnh hưởng của tình hình biển Đông, một số người lao động quá khích bị kẻ xấu lợi dụng, đã gây mất trật tự an toàn xã hội, hủy hoại tài sản của doanh nghiệp dẫn đến một số nhà thầu, doanh nghiệp phải ngừng hoạt động tại Bình Dương, Đồng Nai, TP Hồ Chí Minh, Hà Tĩnh. Tuy nhiên, sau thời gian ngắn, hầu hết doanh nghiệp bị ảnh hưởng đã hoạt động trở lại.

Về tái cơ cấu, sắp xếp doanh nghiệp nhà nước: tổng số doanh nghiệp cổ phần hóa từ trước đến nay là 4.065 doanh nghiệp. Về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp Nhà nước: trong 4 tháng đầu năm 2014 đã cổ phần hóa được 19 doanh nghiệp, 215 doanh nghiệp đã thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa, 36 doanh nghiệp công bố giá trị doanh nghiệp, 12 doanh nghiệp phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO), 11 doanh nghiệp thực hiện các hình thức sắp xếp khác (giải thể 2 doanh nghiệp, sáp nhập 9 doanh nghiệp). Các doanh nghiệp được cổ phần hóa hầu hết có quy mô lớn, phạm vi hoạt động rộng, kinh doanh đa ngành, đa lĩnh vực.

g) Về phát triển kinh tế tập thể: trong 6 tháng đầu năm 2014 so với các thành phần kinh tế khác, kinh tế tập thể với nòng cốt là hợp tác xã tuy có chịu sự tác động nhưng vẫn ổn định, thích ứng tốt hơn với sự biến động thị trường; tập trung hỗ trợ kinh tế thành viên vượt qua khó khăn. Tuy nhiên, các hợp tác xã, tổ hợp tác rất khó tiếp cận với các nguồn vốn tín dụng và các chính sách hỗ trợ của nhà nước, chủ yếu dựa vào nguồn lực nội tại của tổ chức mình, tập trung thực hiện các khâu dịch vụ cho thành viên như cung ứng các dịch vụ đầu vào và tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa của kinh tế thành viên. Các hợp tác

xã, tổ hợp tác đang dần đổi mới, phát triển đúng hướng. Luật Hợp tác xã mới đang được các tỉnh triển khai khá tích cực, bước đầu thấy rõ tác động, thực sự là chỗ dựa vững chắc cho các thành viên.

2. Về ổn định kinh tế vĩ mô và kiểm soát lạm phát:

a) Về giá cả, lạm phát:

Trong 6 tháng đầu năm 2014, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp. So với tháng trước, chỉ số giá tiêu dùng tháng 1 tăng 0,69%, tháng 2 tăng 0,55%, tháng 3 giảm (-) 0,44%, tháng 4 tăng 0,08%, tháng 5 tăng 0,2%, tháng 6 tăng 0,3%. So với tháng 12 năm 2013, chỉ số giá tiêu dùng tháng 6 tăng 1,38% là kết quả của những nỗ lực triển khai công tác điều hành kinh tế vĩ mô, đảm bảo cân đối cung - cầu hàng hóa và tăng cường quản lý thị trường. Bên cạnh đó, do tình hình kinh tế khó khăn, sức cầu nội địa còn yếu, người tiêu dùng cân nhắc hơn trong chi tiêu và tập trung vào các nhu cầu thiết yếu hàng ngày.

b) Về tiền tệ, tín dụng:

Tốc độ tăng trưởng tổng phương tiện thanh toán và tín dụng chưa có sự cải thiện so với cùng kỳ năm trước. Tổng dư nợ tín dụng tính đến 20/5/2014 tăng 1,11% so với tháng 12 năm 2013 (cùng kỳ năm 2013 tăng 2,1%). Nhu cầu tín dụng cho sản xuất kinh doanh còn thấp do khó khăn về giải quyết nợ xấu, hàng tồn kho và sức cầu yếu của nền kinh tế; thể hiện ở mức dư nợ bằng VND tăng trưởng âm và chỉ bù đắp bằng tăng trưởng tín dụng bằng ngoại tệ. Điều này cũng cho thấy động lực hỗ trợ tổng cầu và nền kinh tế trong những tháng đầu năm đến từ mức tăng trưởng cao của hoạt động xuất nhập khẩu, tín dụng bằng ngoại tệ tăng 10,83% so với mức giảm 8,32% cùng kỳ năm 2013).

Mặt bằng lãi suất khá ổn định. Hiện nay, lãi suất huy động bằng VND phổ biến ở mức 5-6%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng đến dưới 6 tháng; 6-7,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng. Lãi suất cho vay phổ biến đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu, doanh nghiệp nhỏ và vừa, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao ở mức 7-8%/năm; các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường 9-10%/năm đối với ngắn hạn và 10,5-12%/năm đối với trung và dài hạn.

Thị trường ngoại tệ tiếp tục ổn định. Cân đối cung cầu ngoại tệ vẫn đảm bảo. Trong 6 tháng đầu năm xuất khẩu tăng 14,9% so với cùng kỳ, xuất siêu đạt 1,32 tỷ USD; nguồn kiều hối, vốn đầu tư trực tiếp và gián tiếp tiếp tục vào Việt Nam; cán cân thanh toán thặng dư cao, tạo điều kiện để ổn định tỷ

giá và lãg dự trữ ngoại tệ của nhà nước.

Cũng như sự phục hồi của nền kinh tế, thị trường chứng khoán cũng có những chuyển biến tích cực, phát triển khá ổn định. Tuy nhiên, sau sự gây hấn của Trung Quốc tại biên Đông, tỷ giá ngoại tệ và chỉ số giá chứng khoán có biến động chủ yếu do yếu tố tâm lý; nhưng chỉ sau vài ngày đã ổn định trở lại. Tỷ giá ngoại tệ dao động dưới mức biên độ cho phép. Thị trường chứng khoán ổn định và chỉ số giá chứng khoán tăng trở lại.

c) Về thu chi ngân sách nhà nước:

Thu ngân sách nhà nước trong 6 tháng đầu năm đạt khá cao so với dự toán và cùng kỳ năm trước, bảo đảm chủ động nhu cầu chi và ổn định kinh tế vĩ mô. Thu ngân sách nhà nước ước đạt 392.000 tỷ đồng, bằng 50,8% dự toán năm trong đó thu nội địa đạt 268.000 tỷ đồng, bằng 49,7% dự toán, thu dầu thô đạt 51.500 tỷ đồng, bằng 60,5% dự toán, thu xuất nhập khẩu đạt 70.500 tỷ đồng, đạt 45,7% dự toán.

Tổng chi Ngân sách nhà nước 6 tháng ước đạt 493.283 tỷ đồng, bằng 49% dự toán.

d) Về đầu tư phát triển:

Trong 6 tháng đầu năm 2014, tổng vốn đầu tư toàn xã hội ước thực hiện đạt khoảng 502,5 nghìn tỷ đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước ước đạt 78 nghìn tỷ đồng, bằng 42,16% kế hoạch năm. Vốn trái phiếu Chính phủ ước đạt 40 nghìn tỷ đồng, bằng 40% kế hoạch năm. Vốn tín dụng đầu tư Nhà nước ước đạt 25.2 nghìn tỷ đồng, bằng 42% kế hoạch năm. Vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước ước đạt 50,1 nghìn tỷ đồng, bằng 38,5% kế hoạch năm. Vốn đầu tư của dân cư và khu vực tư nhân ước đạt 171 nghìn tỷ đồng, bằng 39,76% kế hoạch năm.

- Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện trong 6 tháng đầu năm ước đạt 126,3 nghìn tỷ đồng, bằng 49,45% kế hoạch; vốn đăng ký (cả cấp mới và tăng thêm) ước đạt khoảng 6,85 tỷ USD, bằng 64,7% so với cùng kỳ 2013.

- Vốn ODA ước 6 tháng đầu năm giải ngân đạt 1 tỷ USD, bằng 50% so với mức giải ngân cùng kỳ năm 2013 (cùng kỳ năm 2013 đạt 2,2 tỷ USD), trong đó vốn vay ước đạt 900 triệu USD, viện trợ không hoàn lại ước đạt 100 triệu USD.

3. Về bảo đảm an sinh xã hội, phúc lợi xã hội và các lĩnh vực xã hội khác:

a) Về lao động, việc làm:

Các hoạt động thông tin, dự báo thị trường lao động được triển khai đồng bộ trong cả nước. Công thông tin điện tử việc làm đã cập nhật thường xuyên tình hình thị trường lao động; theo dõi, cập nhật tình hình lao động việc làm, biến động lao động trong các doanh nghiệp, khu công nghiệp, các thành phố lớn...

Trong 6 tháng đầu năm ước giải quyết việc làm cho khoảng 748.500 lao động, bằng 103,6% so với cùng kỳ năm 2013, đạt 46,8% chỉ tiêu kế hoạch năm 2014. Trong đó: giải quyết việc làm trong nước cho khoảng 692.500 nghìn người, bằng 101,3% so với cùng kỳ năm 2013, đạt 45,8% kế hoạch; đưa khoảng 56.000 người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, bằng 143,6% so với cùng kỳ năm 2013, đạt 64,4% kế hoạch.

5 tháng đầu năm 2014, tổng số người đăng ký thất nghiệp trên cả nước là 189.987 người, tăng 4,2% so với cùng kỳ năm 2013 (182.296 người). Tổng số người có quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp 5 tháng đầu năm là 162.530 người, tăng 17,7% so với 5 tháng đầu năm 2013. Những diễn biến gần đây tại một số địa phương (Bình Dương, Đồng Nai, TP Hồ Chí Minh, Hà Tĩnh) dẫn đến một số doanh nghiệp phải tạm ngừng hoạt động, người lao động mất việc làm tại các doanh nghiệp này có thể đăng ký thất nghiệp trong thời gian tới.

Mức lương tối thiểu vùng của người lao động được điều chỉnh tăng từ ngày 01/01/2014. Theo đó, mức lương tối thiểu vùng I là 2.700.000 đồng/tháng, vùng II là 2.400.000 đồng/tháng, vùng III là 2.100.000 đồng/tháng, và vùng IV là 1.900.000 đồng/tháng. Việc điều chỉnh tăng lương tối thiểu vùng đã góp phần giảm khó khăn, cải thiện đời sống của người lao động.

b) Về bảo đảm an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo:

Tình hình an sinh xã hội 6 tháng đầu năm 2014 vẫn cơ bản được đảm bảo. Tiếp tục triển khai đồng bộ các chính sách giảm nghèo đã ban hành; trong đó đảm bảo thực hiện có hiệu quả các chính sách như hỗ trợ tín dụng ưu đãi cho vay hộ nghèo, cho vay xuất khẩu lao động...; cấp thẻ bảo hiểm y tế; miễn, giảm học phí cho con em hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số; hướng dẫn người nghèo phát triển sản xuất, hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và các

chính sách giảm nghèo hiện hành khác.

Các bộ, ngành và địa phương tích cực rà soát lại các chính sách, chương trình, dự án đang triển khai để nghiên cứu, đề xuất, trình sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình hiện nay. Chính phủ đã hoàn thành việc báo cáo tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về giảm nghèo giai đoạn 2005-2012 trước Đoàn giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thực hiện chính sách, pháp luật về giảm nghèo giai đoạn 2005-2012; Ban chỉ đạo Trung ương về giảm nghèo bền vững đã tổ chức Hội nghị trực tuyến toàn quốc về báo cáo kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về giảm nghèo giai đoạn 2005-2012, báo cáo kết quả thực hiện các chính sách, chương trình giảm nghèo bền vững năm 2013, nhiệm vụ, giải pháp và định hướng sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách giảm nghèo 2014-2015.

Thực hiện chủ trương không để hộ dân nào bị đói, các địa phương đã theo dõi sát tình hình thiếu đói giáp hạt, thiệt hại do thiên tai, kịp thời tổ chức cứu trợ và đề xuất giải pháp khắc phục hậu quả, nhanh chóng phục hồi sản xuất, ổn định đời sống nhân dân. Từ đầu năm đến nay, đã hỗ trợ hơn 22 nghìn tấn gạo từ nguồn dự trữ quốc gia cho 17 địa phương để cứu trợ kịp thời cho người dân trong kỳ giáp hạt và dịp Tết Nguyên đán.

Thực hiện trợ cấp xã hội thường xuyên cho các đối tượng bảo trợ xã hội; đối với các tỉnh, thành phố có điều kiện thực hiện nâng mức trợ cấp cao hơn mức quy định của Chính phủ, các tỉnh nghèo được bổ sung ngân sách bảo đảm xã hội để chi trả cho đối tượng theo quy định.

c) Về thực hiện chính sách ưu đãi người có công:

Các hoạt động đền ơn đáp nghĩa tiếp tục được phát triển sâu rộng như các hoạt động xây mới, sửa chữa nhà tình nghĩa cho các đối tượng chính sách; huy động quỹ đền ơn đáp nghĩa; tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho các đối tượng chính sách. Cụ thể như việc thực hiện Quyết định số 12/QĐ-CTN ngày 06/01/2014 của Chủ tịch nước về việc tặng quà cho các đối tượng người có công với cách mạng nhân dịp Tết Nguyên đán Giáp Ngọ năm 2014, số đối tượng được tặng quà của Chủ tịch nước là 1.906.968 người, tổng kinh phí quà tặng là 397.305 triệu đồng. Bên cạnh đó 63 tỉnh, thành phố cũng đã chủ động thăm tặng quà, với trên 2,6 triệu suất quà, tổng kinh phí được huy động từ nguồn ngân sách của địa phương là 840 tỷ đồng. Chính phủ cũng đã giao cho Bộ Tài chính đề xuất dùng một phần nguồn vượt thu ngân sách trung ương

năm 2013 để bổ sung kinh phí cho các địa phương tập trung hoàn thành dứt điểm việc hỗ trợ về nhà ở cho 71.247 hộ người có công với cách mạng.

Công tác giải quyết chính sách đối với người có công được kịp thời. Việc tu sửa, nâng cấp mộ liệt sỹ, các công trình nghĩa trang liệt sỹ, đài tưởng niệm,... được quan tâm, từng bước đáp ứng yêu cầu nguyện vọng của nhân dân.

Tích cực triển khai thực hiện Kế hoạch số 12/KH-BCĐ150 ngày 17/3/2014 của Ban Chỉ đạo cấp Nhà nước về xác định hài cốt liệt sỹ còn thiếu thông tin và Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 14/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án xác định hài cốt liệt sỹ còn thiếu thông tin. Đồng thời tổ chức Hội nghị trực tuyến toàn quốc với 63 tỉnh, thành phố để tập huấn chương trình tổng rà soát chính sách ưu đãi người có công đối với cách mạng trong 2 năm 2014-2015 theo Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 27/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

d) Về chăm sóc người cao tuổi, thực hiện bình đẳng giới và bảo vệ, chăm sóc trẻ em và phát triển thanh niên

Đến nay, tất cả các địa phương đã triển khai chính sách trợ cấp xã hội đối với người cao tuổi từ đủ 80 tuổi không có lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội theo quy định của Luật người cao tuổi. Công tác chăm sóc sức khỏe được quan tâm, hầu hết người cao tuổi thuộc diện hưởng lương hưu, chính sách người có công, chính sách bảo trợ xã hội, người cao tuổi thuộc hộ nghèo, người cao tuổi là đồng bào dân tộc thiểu số... đều được cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí. Số người cao tuổi được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng hơn 1,5 triệu người; tỷ lệ người cao tuổi đang hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội, trợ cấp xã hội và người có công chiếm khoảng 50% tổng số người cao tuổi.

Công tác chăm sóc người cao tuổi còn hạn chế, nhất là ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng cao biên giới, vùng đồng bào dân tộc; tổ chức triển khai Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi Việt Nam giai đoạn 2012-2020 còn chậm; mức trợ cấp xã hội đối với người cao tuổi còn thấp.

Công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ tiếp tục được thực hiện đồng bộ trên cơ sở triển khai các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể trong Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020, Chương trình quốc gia

về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2015 và Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 01/12/2009 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa đất nước.

Bình đẳng giới trong lao động việc làm, giáo dục đào tạo, chăm sóc y tế, lãnh đạo, quản lý ngày càng có những cải thiện đáng kể; bình đẳng giới thực chất về quyền, đối xử, cơ hội giữa nam và nữ được đẩy mạnh. Nhiều mô hình thực hiện thúc đẩy bình đẳng giới được tăng cường triển khai xây dựng, như Mô hình hỗ trợ phụ nữ tạo việc làm, khởi sự, phát triển doanh nghiệp; mô hình nhà trẻ trong cơ quan, trung tâm dạy nghề, khu công nghiệp, khu chế xuất; mô hình ngăn ngừa, giảm thiểu tác hại của bạo lực trên cơ sở giới...

Đã tiếp tục triển khai thực hiện một số chương trình, chính sách bảo vệ, chăm sóc trẻ em đã được phê duyệt: Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2012-2020; Đề án chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn dựa vào cộng đồng giai đoạn 2013-2020; Chương trình phòng, chống tai nạn thương tích trẻ em giai đoạn 2012-2015; chương trình trợ giúp trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS giai đoạn 2012-2015.

Đã tổ chức nghiên cứu, xây dựng dự án sửa đổi, bổ sung Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; phát động Tháng hành động Vì trẻ em năm 2014 với nhiều hoạt động triển khai từ Trung ương đến cơ sở xuyên suốt chủ đề "Hành động vì một xã hội không bạo lực, không xâm hại trẻ em", đồng thời triển khai nhiều hoạt động thiết thực để giúp đỡ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trên toàn quốc, phát động các đơn vị, cá nhân, tổ chức ủng hộ Quỹ Bảo trợ Trẻ em Việt Nam.

Các bộ, ngành và địa phương đã tích triển khai thực hiện Chiến lược phát triển thanh niên giai đoạn 2011-2020, đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, quán triệt về Chiến lược phát triển thanh niên giai đoạn 2011-2020. Thực hiện nhiều chương trình, dự án như: dự án thi điểm tuyển chọn 600 trí thức trẻ về làm Phó Chủ tịch xã tại các huyện nghèo; dự án xây dựng Làng Thanh niên lập nghiệp dọc đường Hồ Chí Minh, biên giới và xã đặc biệt khó khăn giai đoạn 2006-2012 đã mang lại nhiều hiệu quả thiết thực.

d) Về phòng chống tệ nạn xã hội:

Công tác cai nghiện phục hồi, phòng, chống tệ nạn mại dâm đã được triển khai bám sát các nhiệm vụ, giải pháp đề ra tại Chương trình mục tiêu

quốc gia phòng, chống ma túy giai đoạn 2012-2015; Chương trình hành động phòng, chống mại dâm giai đoạn 2011-2015; Đề án đổi mới công tác cai nghiện ma túy ở Việt Nam đến năm 2020.

Công tác kiểm tra, đấu tranh, triệt phá ổ nhóm, điều tra, truy tố, xét xử tội phạm mại dâm đã được thực hiện một cách tích cực, xử lý nghiêm minh; các hình thức cai nghiện được đa dạng như bắt buộc, tự nguyện, cai nghiện tại gia đình, cộng đồng và điều trị nghiện bằng thuốc thay thế Methadone.

Chính sách về tín dụng đối với hộ gia đình và người nhiễm HIV, người sau cai nghiện ma túy, người điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, người bán dâm hoàn lương được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt² và triển khai thực hiện.

e) Về chăm sóc sức khỏe nhân dân:

Công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân được quan tâm, sức khỏe của người dân Việt Nam có những cải thiện rõ rệt.

Trong 5 tháng đầu năm, ngành y tế tiếp tục tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Nghị định, Quyết định, Chỉ thị và các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, phối hợp với các địa phương/đơn vị liên quan, thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm được giao trong lĩnh vực dự phòng. Xây dựng và hoàn thiện các văn bản hướng dẫn Luật Phòng chống bệnh truyền nhiễm, Luật phòng, chống tác hại thuốc lá, xây dựng chương trình hành động thực hiện Chiến lược quốc gia Chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030, Chiến lược quốc gia phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét ở Việt Nam giai đoạn 2011-2020, Chiến lược Vệ sinh an toàn thực phẩm, Chiến lược dân số và chăm sóc sức khỏe sinh sản, Đề án tổng thể xử lý chất thải y tế giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020 (ban hành kèm theo Quyết định 2038/QĐ-TTg ngày 15/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ. Triển khai trên toàn quốc các hoạt động của Chương trình mục tiêu quốc gia y tế giai đoạn 2012-2015 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1208/QĐ-TTg ngày 4/9/2012; Tổ chức kiện toàn hệ thống y tế dự phòng từ Trung ương đến địa phương.

Tiếp tục quan tâm, đẩy mạnh công tác y tế dự phòng, tích cực triển khai các biện pháp phòng chống dịch bệnh, tăng cường giám sát tại các cửa khẩu

² Quyết định số 29/2014/QĐ-TTg ngày 26/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ

nhằm phát hiện các trường hợp dịch bệnh xâm nhập, giảm thiểu việc lây truyền các dịch bệnh nguy hiểm.

Trước tình hình dịch sởi bùng phát trên quy mô rộng với những biến chứng nguy hiểm. Chính phủ và Bộ Y tế đã tập trung chỉ đạo phòng chống dịch sởi. Thủ tướng Chính phủ đã ra Công điện số 477/CT-TTg ngày 16/4/2014 yêu cầu Sở Y tế các tỉnh, thành phố và các bệnh viện, viện trực thuộc các bộ, ngành thực hiện tập trung công tác phòng chống dịch sởi. Tổ chức và thực hiện giám sát công tác tiêm vắc xin sởi tại các địa phương.

Tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị số 54/CT-TW ngày 31/11/2005 của Ban Bí thư trung ương Đảng về việc tăng cường lãnh đạo công tác phòng, chống HIV/AIDS trong tình hình mới. Các Trung tâm phòng chống HIV/AIDS các tỉnh/thành phố được kiện toàn tổ chức. Đến nay đã có 62/63 tỉnh, thành phố thành lập Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS, riêng thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên mô hình Ủy ban phòng, chống AIDS. Triển khai thực hiện Đề án Bảo đảm tài chính cho hoạt động phòng, chống HIV/AIDS giai đoạn 2013-2020.

Mạng lưới cung ứng dịch vụ khám chữa bệnh được củng cố theo hướng công bằng, hiệu quả và nâng cao chất lượng dịch vụ. Y tế cơ sở được phát triển rộng khắp toàn quốc, trong đó bao gồm cả mạng lưới y tế thôn, bản, đã tạo điều kiện thuận lợi để người dân tiếp cận các dịch vụ y tế. Đến nay, 100% xã, phường, thị trấn đã có trạm y tế; 78% trạm y tế xã có bác sỹ làm việc (bao gồm cả các xã có bác sỹ làm việc từ 3 ngày/tuần trở lên); 95,3% trạm y tế xã có nữ hộ sinh hoặc y sỹ sản nhi; 88,0% thôn, bản trong cả nước đã có nhân viên y tế hoạt động, trong đó tỷ lệ này là 82,9% tổ dân số ở khu vực thành thị và 96,9% số thôn, bản ở khu vực nông thôn, miền núi. Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu đã được đổi mới, mở rộng dịch vụ y tế cho tuyến xã, thí điểm thực hiện quản lý một số bệnh mạn tính như hen, tăng huyết áp, tiểu đường tại cộng đồng, góp phần giảm tải cho tuyến trên, khoảng 80% trạm y tế xã đã thực hiện khám chữa bệnh bằng bảo hiểm y tế.

Công tác phòng chống ngộ độc thực phẩm được quan tâm, sự phối hợp chặt chẽ giữa ngành y tế với các ban ngành liên quan trong công tác thanh tra, kiểm tra đã mang lại hiệu quả tích cực, lập lại trật tự kỷ cương trong hoạt động sản xuất, kinh doanh thực phẩm. Tích lũy từ đầu năm đến 17/5/2014, toàn quốc đã xảy ra 36 vụ ngộ độc thực phẩm với 1064 người mắc, 742 người đi viện và 10 trường hợp tử vong.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành được duy trì tương đối ổn định và đảm bảo cung ứng kịp thời, đủ thuốc phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh và phòng chống dịch bệnh và thiên tai. Chất lượng thuốc đã được quản lý chặt chẽ và toàn diện ở tất cả các khâu từ sản xuất, bảo quản, lưu thông, phân phối, bán buôn, bán lẻ với việc áp dụng với hệ thống quản lý chất lượng toàn diện với triển khai các tiêu chuẩn thực hành tốt.

4. Về giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ

a) Về giáo dục đào tạo

Tính đến tháng 06/2014 (thời điểm kết thúc năm học 2013-2014), quy mô trẻ em mầm non và học sinh phổ thông các cấp cả nước có khoảng 21,75 triệu học sinh, sinh viên (gồm 4,05 triệu trẻ em mầm non, 15 triệu học sinh phổ thông, 0,6 triệu học sinh trung cấp chuyên nghiệp và 2,2 triệu sinh viên đại học, cao đẳng). Đến 31/5/2014, đã tuyển mới dạy nghề 440.269 người (đạt 24,73% so với kế hoạch), trong đó: cao đẳng nghề, trung cấp nghề là 31.382 người (đạt 11,2% so với kế hoạch), đào tạo 200.000 lao động nông thôn theo chính sách của Quyết định số 1956/QĐ-TTg, đạt 40 % so với kế hoạch. Tỷ lệ tuyển mới dạy nghề các trình độ cao đẳng nghề và trung cấp nghề 5 tháng đầu năm thấp do tuyển mới dạy nghề các trình độ này tập trung vào các tháng cuối năm, sau khi thi đại học, cao đẳng.

Trong 6 tháng đầu năm 2014, ngành giáo dục và đào tạo đã tích cực triển khai thực hiện việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể: Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”.

Đến nay có 10 tỉnh được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi. 100% các tỉnh, thành phố đã thực hiện chuyển đổi các trường mầm non bán công, dân lập sang tư thục hoặc công lập. Tiếp tục thực hiện nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ. Rà soát, bổ sung, hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục mầm non; tăng cường chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ mẫu giáo vùng dân tộc thiểu số; hoàn thành tài liệu hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục mầm non cho lớp ghép.

Giữ vững kết quả và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; triển khai các biện pháp tích cực để duy trì và nâng cao chất

lượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở, đảm bảo tính bền vững và chất lượng công tác phổ cập; hoàn thiện phương án điều chỉnh thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2014 và những năm trước mắt theo hướng đáp ứng yêu cầu đổi mới của Nghị quyết Trung ương 8. Tổ chức tốt thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm học 2013-2014 với tỷ lệ đỗ tốt nghiệp trên 99%. Tích cực cải thiện các điều kiện đảm bảo chất lượng, đặc biệt chất lượng giáo viên, cơ sở vật chất để triển khai Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Đối với giáo dục chuyên nghiệp: Tiếp tục thực hiện mở rộng quy mô; đa dạng hóa các ngành nghề đào tạo, các hình thức đào tạo, các hệ đào tạo và các loại hình trường trung cấp chuyên nghiệp; rà soát quy hoạch nhu cầu nguồn nhân lực kết hợp với kế hoạch đào tạo của các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp để cho phép mở ngành đào tạo. Các trường trung cấp chuyên nghiệp rà soát, điều chỉnh, bổ sung nội dung chuẩn đầu ra đối với từng ngành, từng chương trình đào tạo. Đổi mới chương trình đào tạo, phương pháp đào tạo và đánh giá kết quả học tập của học sinh.

Giáo dục vùng dân tộc, vùng khó khăn: Tiếp tục chỉ đạo việc dạy và học tiếng dân tộc thiểu số theo Nghị định số 82/2010/NĐ-CP ngày 15/7/2010 của Chính phủ quy định việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên; Chỉ thị số 38/2004/CT-TTg về đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số đối với cán bộ, công chức ở các vùng dân tộc, miền núi, nhằm tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số, quản lý dân cư, giữ gìn an ninh, quốc phòng; thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh trung học phổ thông ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Đẩy mạnh việc thực hiện Đề án củng cố và phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú giai đoạn 2011-2015 và Đề án phát triển giáo dục đối với các dân tộc rất ít người giai đoạn 2010-2015; tăng cường các biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục trong trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú, các cơ sở giáo dục thuộc vùng dân tộc thiểu số, miền núi.

Tập trung phát triển giáo dục, đào tạo và dạy nghề của các tỉnh Tây Nguyên và các huyện miền núi của các tỉnh giáp Tây Nguyên giai đoạn 2011-2015, vùng Đồng bằng sông Cửu Long, các tỉnh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ giai đoạn 2013-2020. Xây dựng và triển khai thực hiện cơ chế đặc thù

dào tạo nhân lực cho Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ.

b) Về khoa học công nghệ

Trong 6 tháng đầu năm 2014, công tác xây dựng cơ chế, chính sách về khoa học công nghệ được tập trung triển khai với việc khẩn trương hoàn thiện các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Khoa học và Công nghệ. Đã ban hành Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ; Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 quy định về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ; Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2014 quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ và Nghị định số 23/2014/NĐ-CP về Điều lệ tổ chức và hoạt động Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia. Tiếp tục hoàn thiện dự thảo Đề án phát triển đội ngũ trí thức Việt Nam đến năm 2020 phục vụ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Đã triển khai thực hiện hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu đổi mới công nghệ và thành lập tổ chức KH&CN của doanh nghiệp. Khuyến khích hình thành và phát triển các tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong doanh nghiệp. Tổ chức thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp KH&CN và tổ chức KH&CN công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Nghiên cứu đề xuất bổ sung các quy định ưu đãi đối với tổ chức KH&CN trong Luật Đất đai, Luật Quản lý và sử dụng tài sản nhà nước để bảo đảm tự chủ cho các tổ chức sau khi chuyển đổi mô hình hoạt động.

Nâng cao năng lực các tổ chức dịch vụ KH&CN trên cả nước, hình thành hệ thống các tổ chức dịch vụ về sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, chuyển giao công nghệ, thông tin công nghệ (tư vấn, đánh giá, định giá, thẩm định, giám định, kiểm nghiệm, thử nghiệm,...).

5. Về văn hóa, thể dục thể thao:

Trong 6 tháng đầu năm 2014, đã trình Thủ tướng Chính phủ xếp hạng bổ sung 14 di tích vào danh mục các di tích quốc gia đặc biệt, nâng tổng số di tích Quốc gia đặc biệt đến tháng 5/2014 là 48 di tích qua 4 lần xếp hạng, trong đó có 7 di sản được UNESCO công nhận là di sản văn hoá thế giới. Khai trương bảo tàng Chiến thắng Điện Biên Phủ nhân kỷ niệm 60 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ.

Các di sản văn hóa phi vật thể tiếp tục được sưu tầm, bảo vệ và phát huy nhằm từng bước góp phần làm đa dạng hóa và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Các ngày lễ, hội truyền thống của dân tộc tiếp tục diễn ra sôi nổi, phong phú. Nhiều hoạt động văn hoá, nghệ thuật quần chúng diễn ra trong năm 2014 nhằm chào mừng sự thành công của các sự kiện chính trị quan trọng trong cả nước.

Tập trung xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 16/NQ-CP về Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác thể dục, thể thao đến năm 2020,...; Tổ chức triển khai Đề án tổ chức Đại hội thể thao bãi biển Châu Á lần thứ 5 vào năm 2016; Đề án Chiến lược phát triển Bóng đá Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 nhằm tạo cơ sở pháp lý quan trọng để triển khai thực hiện các nhiệm vụ của ngành thể thao.

Các hoạt động thể dục thể thao, nhất là các môn thể thao dân tộc và trò chơi dân gian được tổ chức trên mọi miền của Tổ quốc, tạo sân chơi lành mạnh, khí thế vui tươi sôi nổi, đoàn kết, đồng thời bảo tồn nét đẹp văn hóa dân tộc. Tập trung tổ chức Đại hội thể dục thể thao các cấp hướng tới Đại hội thể thao toàn quốc lần thứ VII; đẩy nhanh công tác chuẩn bị cơ sở vật chất phục vụ công tác tổ chức Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc lần thứ IX.

Kết quả 5 tháng đầu năm 2014: Số người tập luyện thể dục thể thao thường xuyên ước đạt 25% dân số; tỷ lệ gia đình tập luyện thể dục thể thao đạt 16% tổng số hộ.

Đến hết tháng 5-2014, toàn quốc đã tổ chức 69 giải thể thao quốc gia và quốc tế, 22 lớp tập huấn, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn cho trọng tài, huấn luyện viên thể thao được ngành Thể thao Việt Nam tổ chức thành công. Nhiều đoàn vận động viên tham gia các giải thi đấu thể thao cấp khu vực, châu lục và thế giới,.. giành được nhiều thành tích.

Tiếp tục công tác tập huấn và triệu tập các VĐV tham dự các giải thể thao khu vực, châu lục và thế giới, đồng thời chuẩn bị lực lượng vận động viên tham dự Đại hội thể thao Châu Á năm 2014 tại Hàn Quốc; các giải thể thao thế giới và khu vực trong năm 2014, 2015.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu về thể thao thành tích cao như sau: VĐV cấp Kien tướng quốc tế là 16 người; VĐV cấp Kien tướng quốc gia là 1.237

người; VDV dự bị kiện tướng là 179 người; VDV cấp 1 là 1.871 người.

6. Về tài nguyên môi trường

Hệ thống chính sách, pháp luật, chiến lược, quy hoạch về quản lý tài nguyên và môi trường tiếp tục được xây dựng và hoàn thiện. Xây dựng, củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý ngành tài nguyên và môi trường. Phát triển khoa học và công nghệ, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác điều tra cơ bản phục vụ quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường. Tăng cường, chủ động hợp tác và hội nhập quốc tế. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra nhằm bảo đảm quản lý sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên.

Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ sở pháp lý về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường để bảo vệ, khai thác hợp lý, hiệu quả đất đai, tài nguyên thiên nhiên, đảm bảo sự hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo vệ tài nguyên môi trường. Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường; ngăn chặn việc khai thác trái phép, khai thác lãng phí các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Giảm thiểu mức độ gia tăng ô nhiễm, phục hồi suy thoái và nâng cao chất lượng môi trường. Thực hiện tốt chương trình mục tiêu quốc gia khắc phục và cải thiện ô nhiễm môi trường, đặc biệt tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, khu vực đông dân cư.

Đẩy mạnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 31 tháng 10 năm 2012 về đổi mới chính sách pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; Tổ chức lấy ý kiến của nhân dân với dự thảo Luật đất đai sửa đổi.

Tập trung xây dựng Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2013 về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Triển khai hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia về ứng phó với biến đổi khí hậu, khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường,...; Thực hiện đánh giá tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng đối với tài nguyên nước trên lưu vực sông Đồng Nai - Sài Gòn và vùng châu thổ sông Cửu Long, đề xuất các giải pháp nhằm thích ứng với những hậu quả do tác động của biến đổi khí hậu gây ra đối với tài nguyên nước.

7. Về thông tin truyền thông

Ngành thông tin - truyền thông đã thực hiện thông tin kịp thời đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, các hoạt động chính trị - xã hội, phản ánh tình hình kinh tế - xã hội của đất nước; đưa tin về các hoạt động đối ngoại của Lãnh đạo Đảng và Nhà nước; dịch bệnh và nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân, tích cực cập nhật tình hình kinh tế - chính trị thế giới. Đặc biệt là các hoạt động tuyên truyền bảo vệ chủ quyền của nước ta trên biển Đông.

8. Về công tác ngoại giao, quốc phòng an ninh và bảo đảm ổn định chính trị xã hội:

Trong bối cảnh phức tạp của tình hình chính trị ở một số khu vực trên thế giới và những khó khăn ở trong nước, chúng ta đã có nhiều nỗ lực tăng cường tiềm lực quốc phòng: an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội tiếp tục được bảo đảm; công tác tìm kiếm cứu nạn được tập trung chỉ đạo và triển khai kịp thời khi xảy ra tình huống.

Các hoạt động đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế được tăng cường và đạt nhiều kết quả. Chủ động, tích cực tham gia và phát huy vai trò tại các thể chế đa phương; thực hiện hiệu quả các thỏa thuận quốc tế; tiếp tục củng cố và phát huy vai trò thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế. Các hoạt động đàm phán các hiệp định thương mại tự do với các đối tác, khối kinh tế lớn được đẩy mạnh. Việt Nam đã chính thức bảo vệ Hồ sơ nhân quyền theo Cơ chế kiểm điểm định kỳ (UPR) của Hội đồng Nhân quyền LHQ. Với tư cách là thành viên HĐNQ nhiệm kỳ 2014-2016, những thành tựu về nhân quyền của Việt Nam một mặt khẳng định nỗ lực của Việt Nam đồng thời đóng góp vào những giá trị chung mà Hội đồng Nhân quyền mong muốn thúc đẩy. Quan hệ song phương với các đối tác lớn tiếp tục được tăng cường và đi vào chiều sâu.

Trước các hoạt động của Trung Quốc vi phạm chủ quyền nước ta trên Biển Đông, chúng ta đã thực hiện nhiều biện pháp đấu tranh cả trên thực địa, ngoại giao, tuyên truyền vận động quốc tế. Đã tạo được sự đoàn kết của cả dân tộc, trong đó có cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài; đồng thời cũng được sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế và các nước trên thế giới. Điều đó, tạo thêm sức mạnh cho chúng ta kiên trì đấu tranh để bảo vệ chủ quyền của đất nước. Tuy nhiên, trong bối cảnh phức tạp đó, ở một số địa phương, đã có một

số người có hành vi vi phạm pháp luật, manh động phá hoại cơ sở sản xuất, có cả cơ sở sản xuất của nhà đầu tư nước ngoài và chống người thi hành công vụ, gây mất an ninh trật tự, ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh, sinh hoạt bình thường của người dân, ảnh hưởng đến môi trường đầu tư và chính sách đối ngoại đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta.

Để khắc phục các diễn biến tiêu cực nêu trên, Chính phủ đã chỉ đạo các bộ ngành ở Trung ương và các địa phương khẩn trương thực hiện đồng bộ các biện pháp, chủ động và kiên quyết ngăn chặn, không để tái diễn xảy ra và xử lý nghiêm khắc những người có hành vi kích động, manh động và vi phạm pháp luật. Bảo đảm an ninh trật tự và an toàn tuyệt đối tính mạng, tài sản của mọi người, mọi doanh nghiệp. Bảo đảm sản xuất kinh doanh bình thường, nhất là của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Đồng thời tăng cường công tác tuyên truyền vận động nhân dân không có những hành vi vi phạm pháp luật, không nghe theo kẻ xấu, cùng nhau giữ gìn an ninh trật tự, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau phát triển sản xuất kinh doanh, nâng cao đời sống và góp phần cùng cả nước bảo vệ chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc theo đúng luật pháp của nước ta và luật pháp quốc tế. Thực hiện ngay các biện pháp phù hợp để giúp đỡ, hỗ trợ các doanh nghiệp sớm ổn định và trở lại hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường. Thông báo rõ đến các cơ quan ngoại giao, các nhà đầu tư nước ngoài về chủ trương, chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta. Việt Nam luôn làm hết sức mình tạo mọi thuận lợi và bảo đảm an toàn tuyệt đối cho người, doanh nghiệp và cơ quan nước ngoài tại Việt Nam theo đúng quy định của pháp luật và các cam kết quốc tế của Việt Nam.

II. DỰ BÁO KHẢ NĂNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2014

1. Dự báo tình hình kinh tế thế giới và trong nước

Tình hình kinh tế thế giới được dự báo từ nay đến cuối năm 2014 sẽ có nhiều cải thiện hơn. Theo dự báo của Quỹ tiền tệ Quốc tế (IMF, 4/2014), tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế thế giới được dự báo sẽ đạt mức 3,6% vào năm 2014 so với mức 3,0% năm 2013³. Tăng trưởng của các nước kinh tế phát triển sẽ phục hồi, song nguy cơ suy giảm tăng trưởng tại các nền kinh tế đang

³ Dự báo tốc độ tăng trưởng của một số nước năm 2014: Mỹ đạt 2,8% so với mức 1,9% năm 2013; Khu vực Eurozone đạt 1,2%; Nhật Bản đạt 1,4%, giảm một cách ổn định trước chính sách tài khóa thắt chặt trong năm 2014 - 2015, Trung Quốc chỉ đạt 7,5% trong khi năm 2013 tốc độ tăng GDP đạt 7,7%; Các nền kinh tế mới nổi được dự báo tăng từ mức 4,7% năm 2013 lên 4,9% năm 2014, tuy nhiên các nền kinh tế mới nổi ở Châu Âu lại giảm do khủng hoảng chính trị tại Ucraina và sự phục hồi chậm chạp của Thổ Nhĩ Kỳ.

nổi và đang phát triển sẽ là rất lớn.

Tăng trưởng thương mại toàn cầu năm 2014 được dự báo khả quan ở mức 4,7% do triển vọng phục hồi khả quan của các nền kinh tế chủ chốt. Tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu năm 2014 của các nền kinh tế phát triển được dự báo lần lượt là 3,6% và 3,4% và các nền kinh tế đang phát triển sẽ ở mức 6,4% và 6%⁴. Xu hướng thắt chặt tài khóa và giảm giá đồng nội tệ sẽ là xu hướng chính trong lĩnh vực tài chính, tiền tệ trong năm 2014. Giá hàng hóa thế giới được dự báo tăng trở lại năm 2014, trong đó giá dầu tăng 0,4%, giá hàng hóa ngoài dầu tăng 2,7%.

Triển vọng tích cực của nền kinh tế thế giới dự kiến sẽ mang lại thuận lợi nhất định cho kinh tế nước ta. Tuy nhiên, kinh tế thế giới vẫn còn đối mặt với những thách thức nêu trên khiến nhu cầu nhập khẩu hàng hóa từ Việt Nam có thể giảm, sức cầu nội địa còn yếu trong khi hoạt động sản xuất kinh doanh còn nhiều khó khăn.

Trong quan hệ thương mại và đầu tư với Trung Quốc, nước ta vẫn đang nhập siêu lớn và hiện nay có nhiều nhà thầu Trung Quốc đang thực hiện nhiều dự án lớn ở Việt Nam.

Trong những tháng cuối năm, dự kiến sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản sẽ có khó khăn do sắp bước vào mùa mưa lũ, dịch bệnh trên gia súc, gia cầm và thủy sản vẫn có nguy cơ bùng phát, giá nguyên liệu đầu vào (xăng dầu, phân bón, thức ăn chăn nuôi) chưa có dấu hiệu hạ nhiệt...

Có nhiều yếu tố chính tác động làm tăng giá trong những tháng cuối năm: tình hình bất ổn chính trị tại một số khu vực trên thế giới có thể gây ảnh hưởng tới giá cả một số nguyên, nhiên liệu chủ yếu trên thị trường quốc tế như xăng dầu, phôi thép, phân bón, lương thực, thực phẩm...; tiếp tục thực hiện lộ trình giá thị trường đối với một số hàng hóa, dịch vụ giai đoạn 2014 - 2015 như điều chỉnh tăng giá điện, phí dịch vụ giáo dục, y tế...; tình hình diễn biến thiên tai, dịch bệnh phức tạp cũng làm biến động thị trường giá cả các hàng hóa và dịch vụ; nhu cầu tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ của người dân tăng cao vào thời điểm cuối năm.

Dự báo những tháng còn lại của năm 2014, cộng đồng doanh nghiệp vẫn chịu ảnh hưởng của những khó khăn vừa qua và những thách thức trước

⁴ Theo dự báo của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) ngày 14/4/2014.

mất. Tuy nhiên, nền kinh tế vĩ mô cũng đang trên đà phục hồi, niềm tin và cơ hội kinh doanh đang dần quay trở lại với doanh nghiệp nên số lượng doanh nghiệp đăng ký mới và số vốn đăng ký dự báo sẽ tăng⁵.

2. Dự báo khả năng thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2014:

Trên cơ sở đánh giá tình hình kinh tế thế giới và trong nước thời gian qua và triển vọng sắp tới, dự kiến thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội Nghị quyết Quốc hội đề ra cho năm 2014 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu Quốc hội	Ước thực hiện năm 2014
1.	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP)	%	5,8	5,28-5,55
2.	Tốc độ tăng tổng kim ngạch xuất khẩu	%	10	10,6
3.	Tỷ lệ nhập siêu so với tổng kim ngạch xuất khẩu	%	6	0,3
4.	Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội so với GDP	%	30	30-30,1
5.	Chỉ số giá tiêu dùng	%	-7	4,8-5
6.	Lao động việc làm	Triệu người	1,6	≈1,6
7.	Tỷ lệ lao động qua đào tạo trong tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế	%	52	52
8.	Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị	%	<4	3,6
9.	Giảm tỷ lệ hộ nghèo <i>Riêng các huyện nghèo giảm</i>	% %	1,7-2 4	1,7-2 4
10.	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng	%	<15,5	<15,5
11.	Số giường bệnh trên 1 vạn dân (không tính giường trạm y tế xã)	Giường bệnh	22,5	22,5
12.	Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng (theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg) được xử lý	%	85	86

⁵ Dự báo trong năm 2014, số lượng doanh nghiệp đăng ký sẽ tăng khoảng 1,3% ở mức 78 nghìn doanh nghiệp với số vốn đăng ký tăng khoảng 4,1% (lên 415 nghìn tỷ đồng) so với năm 2013.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu Quốc hội	Ước thực hiện năm 2014
13.	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	75	76
14.	Tỷ lệ che phủ rừng	%	41,5	41,5

Như vậy, trong tổng số 14 chỉ tiêu Quốc hội đề ra trong kế hoạch năm 2014, dự báo có 13 chỉ tiêu có triển vọng đạt và vượt kế hoạch. Riêng chỉ tiêu GDP dự báo chỉ đạt khoảng 5,28 đến 5,55% là đã tính toán đến tác động xấu của việc Trung Quốc đặt giàn khoan 981 và các yếu tố có liên quan khác. Tuy nhiên, nếu các ngành, các cấp, các doanh nghiệp tiếp tục triển khai thực hiện tốt các giải pháp chính sách trong Nghị quyết số 01/NQ-CP, các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đẩy nhanh chuyển đổi cơ cấu kinh tế, phát triển và mở rộng thị trường xuất khẩu, phát triển thị trường nội địa, giảm sự phụ thuộc vào một số thị trường,... thì tốc độ tăng GDP cả năm 2014 sẽ đạt mức tăng trưởng cao hơn, có thể đạt và vượt kế hoạch 5,8% đã đề ra.

còn 1 chỉ tiêu có thể không đạt kế hoạch là tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP).

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU CẦN TẬP TRUNG THỰC HIỆN TRONG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2014

Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2004 và xuất phát từ thực tiễn tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm, dự báo tình hình thế giới và trong nước, đặc biệt là các diễn biến mới đây ở Biển Đông, các cấp, các ngành cần tiếp tục tập trung triển khai thực hiện các giải pháp chính sách đã được quy định trong Nghị quyết số 01/NQ-CP, các Nghị quyết phiên họp thường kỳ của Chính phủ. Trước mắt, cần tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp lớn sau đây:

- Tiếp tục triển khai thực hiện tốt chỉ đạo của Chính phủ như đã báo cáo ở trên về các giải pháp liên quan bảo vệ chủ quyền ở Biển Đông. Thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các giải pháp, tăng cường lực lượng thực thi pháp luật trên biển. Kiên quyết bảo vệ chủ quyền và lợi ích quốc gia ở biển Đông. nỗ lực giải quyết tình hình phức tạp bằng biện pháp hòa bình trên cơ sở luật pháp quốc tế, nhất là Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển 1982 (UNCLOS) và Tuyên bố về cách ứng xử của các bên ở biển Đông (DOC);

tranh thủ sự ủng hộ, đồng tình của cộng đồng quốc tế. Phát huy tinh thần yêu nước và sức mạnh của toàn dân tộc trong bảo vệ chủ quyền quốc gia. Đồng thời chủ động thực hiện đồng bộ các biện pháp kiên quyết ngăn chặn, xử lý nghiêm các hành vi kích động, manh động, vi phạm pháp luật, ảnh hưởng xấu đến môi trường đầu tư, hình ảnh đất nước và con người Việt Nam; bảo đảm an ninh trật tự và an toàn tính mạng, tài sản và sản xuất kinh doanh của mọi cá nhân, tổ chức, nhất là doanh nghiệp đầu tư nước ngoài. Đồng thời tăng cường thực hiện các giải pháp, chính sách phù hợp, chủ động trong điều hành, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, phục hồi và phát triển sản xuất kinh doanh, tạo việc làm và ổn định đời sống nhân dân.

- Điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt và thận trọng phối hợp chặt chẽ, đồng bộ với chính sách tài khóa, kiểm soát lạm phát ở mức khoảng 5%.

- Tăng cường quản lý ngân sách nhà nước; phân đấu giữ bội chi ngân sách theo kế hoạch. Tập trung các giải pháp chống thất thu, nợ đọng thuế. Kiểm soát chặt chẽ chi ngân sách nhà nước; kiên quyết cắt giảm hoặc lùi thời gian thực hiện các khoản chi chưa thực sự cần thiết; tiết giảm tối đa chi phí điện, nước, văn phòng phẩm, xăng dầu, hội nghị, tiếp khách, lễ hội, khánh tiết, di công tác trong nước và nước ngoài.

- Đẩy nhanh tiến độ thi công và giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản, nhất là các nguồn vốn ngân sách nhà nước, trái phiếu Chính phủ, ODA; điều chuyển vốn của các dự án, công trình chậm tiến độ cho các công trình quan trọng, cấp bách, hoàn thành trong năm 2014, tạo điều kiện tăng năng lực sản xuất, góp phần tăng tổng cầu cho nền kinh tế. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn vay, quản lý chặt chẽ nợ công, nợ Chính phủ, nợ nước ngoài quốc gia, bảo đảm trong giới hạn an toàn.

- Triển khai thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp trong Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 18/03/2014 về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, tập trung rà soát, loại bỏ các rào cản, khó khăn, vướng mắc, nhất là về xử lý nợ xấu để doanh nghiệp được vay vốn phát triển sản xuất kinh doanh; tiếp tục nghiên cứu, cải cách các chính sách thuế, phí, lệ phí, các thủ tục đăng ký kinh doanh, tín dụng, thuế, hải quan, bất động sản,...

- Thực hiện quyết liệt các giải pháp thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp; chuyển đổi phương thức tổ chức sản xuất quy mô lớn gắn với đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật; đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm, khuyến nông, chủ động đối phó với dịch bệnh, thiên tai, nhất là vào mùa mưa bão. Phát triển mạnh kinh tế biển, có chính sách tín dụng ưu đãi và bảo hiểm phù hợp đối với ngư dân.

Đẩy mạnh thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Trong đó tập trung vào chuyển đổi cơ cấu cây trồng, đặc biệt là mở rộng việc chuyển đổi diện tích trồng lúa kém hiệu quả sang các cây trồng khác có hiệu quả kinh tế cao hơn; chủ động phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi; chuẩn bị đầy đủ các phương tiện, vật tư và phương án phòng chống lụt bão cho mùa mưa bão sắp tới; tiếp tục đa dạng hóa thị trường để giảm sự lệ thuộc vào một số ít thị trường. Đối với ngành thủy sản cần thực hiện các chính sách khuyến khích hỗ trợ khai thác, nuôi trồng hải sản và dịch vụ khai thác hải sản trên các vùng biển xa, thành lập tổ đội sản xuất, bảo hiểm rủi ro; tăng cường các hoạt động bảo vệ ngư dân trên biển...; đầu tư đóng tàu vỏ sắt công suất lớn để tăng cường khai thác hải sản xa bờ, kết hợp bảo vệ chủ quyền biển đảo...

- Về lĩnh vực công nghiệp, xây dựng: Tiếp tục triển khai có hiệu quả các giải pháp phát triển sản xuất, tìm kiếm và mở rộng thị trường tiêu thụ, khuyến khích tiêu dùng, đẩy nhanh việc tiêu thụ hàng tồn kho. Chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp nhằm giảm tỷ trọng ngành gia công, chế biến sử dụng đầu vào nhập khẩu, yêu cầu đầu tư lớn nhưng giá trị tăng thêm thấp. Tập trung giám sát chặt chẽ tiến độ các dự án đầu tư, đặc biệt là các dự án trọng điểm chậm tiến độ và các dự án có khả năng hoàn thành trong năm.

- Về lĩnh vực dịch vụ: Tiếp tục thực hiện các giải pháp phát triển thị trường trong nước; tích cực triển khai Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam". Thực hiện có hiệu quả các giải pháp khuyến khích, đẩy mạnh xuất khẩu; tăng cường xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường, bảo hiểm tín dụng xuất khẩu, bảo đảm chất lượng hàng hóa, nâng cao khả năng giải quyết tranh chấp thương mại, hỗ trợ thông tin thị trường thế giới,...

- Tiếp tục thực hiện đồng bộ, hiệu quả các cơ chế chính sách về an sinh xã hội, phúc lợi xã hội. Thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc

gia về việc làm, dạy nghề, giảm nghèo bền vững. Phấn đấu đạt mục tiêu đến cuối năm 2014, giảm tỷ lệ hộ nghèo cả nước xuống còn 1,7-2%. Rà soát, thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ về sản xuất, đời sống đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

- Củng cố và nâng cao hiệu quả mạng lưới y tế dự phòng, chủ động phòng, chống dịch bệnh, không để dịch lớn xảy ra. Triển khai có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phòng chống HIV/AIDS. Thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách và lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân, giảm quá tải bệnh viện. Có cơ chế phù hợp quản lý hiệu quả giá thuốc chữa bệnh. Tăng cường thanh tra, kiểm tra chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Triển khai thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển giáo dục và Nghị quyết Trung ương 6 (Khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Đẩy mạnh việc thực hiện xã hội học tập. Nâng cao chất lượng giáo dục đại học, nhất là đại học ngoài công lập.

- Triển khai có hiệu quả Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (Khóa XI) và Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ; Chương trình quốc gia về đổi mới công nghệ, phát triển công nghệ cao; Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia; Chương trình nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam; Chương trình hành động về phát triển mạnh mẽ thể dục, thể thao. Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao. Tích cực đấu tranh ngăn chặn các tệ nạn xã hội, nhất là ma túy, mại dâm.

- Triển khai hiệu quả Nghị quyết Trung ương 7 (Khóa XI) về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, Nghị quyết của Chính phủ về một số vấn đề cấp bách trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, Chiến lược phát triển bền vững, Chiến lược tăng trưởng xanh. Làm tốt công tác bảo vệ và phát triển rừng. Nâng cao khả năng phòng chống và khắc phục hậu quả thiên tai, tìm kiếm, cứu nạn.

- Hoàn thành việc hướng dẫn và triển khai Hiến pháp mới. Nâng cao chất lượng ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm tính phù hợp, khả thi và phát huy hiệu quả khi triển khai thực hiện.

- Tiếp tục thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính. Tập trung đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức trong các cơ quan, tổ chức từ Trung ương đến địa phương.

- Xây dựng, triển khai các đề án, văn bản quy định chi tiết thi hành Luật phòng, chống tham nhũng (sửa đổi). Tăng cường thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra để phòng ngừa, phát hiện, xử lý các hành vi tham nhũng. Chỉ đạo thực hiện nghiêm các kết luận thanh tra và việc xử lý sau thanh tra, kiên quyết thu hồi tài sản của Nhà nước bị chiếm đoạt, thất thoát. Kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan chuyên trách về phòng, chống tham nhũng.

- Tiếp tục tăng cường tiềm lực quốc phòng, nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu của quân đội. Củng cố nền quốc phòng toàn dân. Bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia, các hoạt động kinh tế trên biển, gìn giữ môi trường hòa bình, ổn định, sẵn sàng ứng phó kịp thời các tình huống xảy ra. Thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng kết hợp với phát triển kinh tế. Tiếp cận khoa học công nghệ quốc phòng tiên tiến, làm chủ trang thiết bị kỹ thuật, vũ khí hiện đại.

- Tích cực đàm phán Hiệp định Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) và các Hiệp định thương mại tự do khác. Triển khai lộ trình nâng cấp quan hệ với một số đối tác; đưa các mối quan hệ đã thiết lập đi vào chiều sâu, hiệu quả. Nâng cao vai trò, bảo đảm lợi ích quốc gia tại các tổ chức, cơ chế, diễn đàn quốc tế và khu vực. Đóng góp tích cực, trách nhiệm vào việc xây dựng Cộng đồng ASEAN 2015.

- Các cấp, các ngành phải thường xuyên cung cấp thông tin cho các phương tiện thông tin đại chúng, trước hết là các cơ chế, chính sách, pháp luật của nhà nước, các thông tin chính thức và kịp thời về tình hình kinh tế - xã hội, để tạo sự đồng thuận trong nhân dân, chung sức chung lòng thực hiện tốt các mục tiêu trên trên kế hoạch đã được Quốc hội đề ra.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2015

I. DỰ BÁO BỐI CẢNH THẾ GIỚI VÀ TRONG NƯỚC

Bước sang năm 2015, tăng trưởng kinh tế thế giới dự báo sẽ tiếp tục phục hồi nhẹ, song nguy cơ giảm tăng trưởng tại các nền kinh tế đang phát

triển sẽ là rất lớn, tốc độ tăng trưởng của các nước kinh tế mới nổi ở khu vực Châu Âu và kinh tế Nga được dự báo sẽ bị giảm so với dự báo trước đó do nguy cơ đe dọa từ khủng hoảng Ukraina. Theo dự báo của Quỹ tiền tệ Quốc tế (IMF, 4/2014), tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế thế giới năm 2015 được dự báo ở mức 3,9%⁶. Tăng trưởng thương mại toàn cầu năm 2015 được dự báo tăng nhẹ ở mức 5,3%, trong khi giá cả, đặc biệt giá dầu là khó xác định do ảnh hưởng nhiều đến ổn định chính trị các khu vực thế giới.

Tự do hóa thương mại sẽ tiếp tục là xu hướng chủ đạo trên thế giới, đặc biệt là khu vực Châu Á - Thái Bình Dương với kỳ vọng từ Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP). Mặc dù vậy, năm 2015, dự báo kinh tế thế giới nói chung và thị trường hàng hóa sẽ có thể tiếp tục chịu tác động từ các cuộc khủng hoảng chính trị, tranh chấp chủ quyền tại nhiều khu vực trên thế giới.

Năm 2015 là năm cuối thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015. Dự báo năm 2015, sự ổn định phục hồi và tăng trưởng của kinh tế thế giới cũng như nền kinh tế Việt Nam thoát đáy và phục hồi tăng trưởng. Kinh tế trong nước năm 2015 dự báo sẽ tiếp tục trên đà hồi phục với mức tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, việc phát triển các ngành dịch vụ tiếp tục được chú trọng phát triển. Thị trường trong nước dự kiến vẫn sẽ được các doanh nghiệp chủ trọng và là giải pháp hữu hiệu hỗ trợ xuất khẩu và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Tuy nhiên, việc tham gia vào các hiệp định thương mại tự do đa phương như TPP và các hiệp định song phương, ngoài những lợi ích có thể đem lại cho xuất khẩu các mặt hàng chiến lược của Việt Nam thì các ngành sản xuất trong nước cũng được dự báo là chịu tác động tiêu cực nếu như không có các biện pháp hỗ trợ phù hợp và kịp thời, đặc biệt là đối với ngành nông nghiệp. Bên cạnh đó, trong trường hợp Trung Quốc tiếp tục xâm phạm chủ quyền trái phép đối với nước ta, có thể dẫn tới những ảnh hưởng xấu tới quan hệ kinh tế giữa hai nước, từ đó ảnh hưởng tới kinh tế nước ta. Diễn biến tranh chấp trên Biển Đông tác động đến quan hệ hợp tác kinh tế giữa Việt Nam và Trung Quốc cũng như kỳ vọng vào tác động của tiến trình chính sách cải cách đổi mới kinh tế trong nước sẽ là một trong những yếu tố quan trọng nhất tác động đến tăng trưởng kinh tế 2015. Ngoài ra, tình hình thời tiết diễn

⁶ Dự báo tốc độ tăng trưởng của một số nước năm 2015: Mỹ đạt 3%; Khu vực Eurozone đạt 1,5%; Nhật Bản đạt 1%; Trung Quốc chỉ 7,3%; Các nền kinh tế mới nổi được dự báo tăng 5,3%

bất thường, thiên tai, nguy cơ dịch bệnh bùng phát, gây khó khăn cho hoạt động sản xuất nông nghiệp có thể xảy ra, cùng với những hạn chế, yếu kém của nền kinh tế vẫn chưa thể khắc phục sẽ là những yếu tố tác động tới tăng trưởng kinh tế nước ta trong năm 2015.

Tăng trưởng kinh tế 2015 dự báo diễn ra theo 2 kịch bản:

Kịch bản tăng trưởng thấp (KB1), tăng trưởng GDP dự báo ở mức 6%, với nhiều khả năng hơn nếu tình hình chính trị thế giới không ổn định nhưng không có quá nhiều biến động ảnh hưởng mạnh đến tăng trưởng kinh tế và thương mại thế giới và khu vực. Trong nước, kinh tế vẫn còn có khó khăn do vừa phải thực hiện tiến trình cải cách kinh tế, vừa phải đối phó với những tác động tiêu cực phát sinh trong quan hệ kinh tế với Trung Quốc.

Kịch bản tăng trưởng cao (KB2), tăng trưởng GDP dự báo ở mức 6,2%, cũng có thể đạt được nếu tình hình kinh tế, chính trị thế giới ổn định, tác động tích cực đến kinh tế Việt Nam. Tiến trình đổi mới bắt đầu có những kết quả ban đầu, mặc dù khó có khả năng hồi phục mạnh nhưng nền kinh tế đã có những bước chuyển vững chắc hơn.

II. MỤC TIÊU NHIỆM VỤ VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2015

1. Mục tiêu tổng quát:

Tiếp tục giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát. Đẩy mạnh thực hiện các đột phá chiến lược, tái cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình phát triển và nâng cao hiệu quả, bảo đảm nền kinh tế phát triển bền vững và tăng trưởng hợp lý. Thực hiện tốt các mục tiêu an sinh xã hội, phúc lợi xã hội và cải thiện đời sống nhân dân. Mở rộng và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế. Tăng cường quốc phòng an ninh, bảo đảm giữ vững chủ quyền quốc gia, an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Đẩy mạnh cải cách hành chính và phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

2. Dự kiến các chỉ tiêu chủ yếu của năm 2015:

a) Các chỉ tiêu kinh tế:

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng khoảng 6-6,2% so với năm 2014

Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng khoảng 10% so với năm 2014

Tỷ lệ nhập siêu so với tổng kim ngạch xuất khẩu ở mức dưới 5%

Tỷ lệ bội chi ngân sách nhà nước so với GDP là 5,3%

Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội chiếm khoảng 30% GDP

Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng khoảng dưới 7%

b) Các chỉ tiêu xã hội:

Tỷ lệ hộ nghèo giảm 1,5-1,7%, riêng các huyện nghèo giảm 3,5-4%

Tạo việc làm cho khoảng 1,6 triệu lao động.

Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới 4%

Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 55%.

Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng giảm xuống dưới 15%

Số giường bệnh trên một vạn dân (không tính giường trạm y tế xã) đạt 23 giường

Diện tích sàn nhà ở đô thị bình quân đầu người đạt 24,7m²/người

c) Các chỉ tiêu môi trường:

Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng (theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg) được xử lý đạt 86%

Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 80%

Tỷ lệ che phủ rừng đạt 42%

Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh: 86%

Tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch: 82%

Tỷ lệ đô thị loại 3 trở lên có hệ thống thu gom và xử lý nước thải: 16%

Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom: 85%

III. DỰ KIẾN MỘT SỐ CÁN ĐỐI LỚN CỦA NỀN KINH TẾ NĂM 2015

1. Lao động và việc làm:

Phấn đấu giải quyết việc làm cho 1,6 triệu lao động; trong đó, tạo việc làm trong nước 1.510 nghìn người, xuất khẩu lao động 90 nghìn người; Tỷ lệ thất nghiệp của lao động khu vực thành thị dưới 4%.

Tỷ lệ lao động trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp là 46,5%, công

ng nghiệp và xây dựng là 21%, dịch vụ là 32,5%.

2. Cân đối thu, chi ngân sách nhà nước:

Tổng thu cân đối NSNN dự kiến là 928.500 tỷ đồng, trong đó: thu nội địa là 665.000 tỷ đồng; thu dầu thô là 89.000 tỷ đồng; thu xuất nhập khẩu là 170.000 tỷ đồng.

Tổng chi ngân sách nhà nước năm 2015 khoảng 1.177,5 nghìn tỷ đồng; trong đó chi đầu tư phát triển khoảng 307,9 nghìn tỷ đồng, chiếm 26,1% tổng chi ngân sách nhà nước.

Bội chi ngân sách nhà nước dự kiến bằng khoảng 5,3% GDP.

3. Cân đối vốn đầu tư phát triển:

Dự kiến khả năng huy động nguồn vốn đầu tư phát triển năm 2015 khoảng 1.405 nghìn tỷ đồng, bằng khoảng 30-30,1% GDP. Dự kiến huy động các nguồn vốn như sau:

- Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước khoảng 307,9 nghìn tỷ đồng, chiếm 21,9% tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội.

- Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ 100 nghìn tỷ đồng, chiếm 7,1% tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội.

- Nguồn vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước khoảng 60 nghìn tỷ đồng, chiếm 4,3% tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội.

- Nguồn vốn từ khu vực doanh nghiệp nhà nước khoảng 130 nghìn tỷ đồng, chiếm 9,3% tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội.

- Nguồn đầu tư của dân cư và doanh nghiệp tư nhân khoảng 510 nghìn tỷ đồng, chiếm 36,3% tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội.

- Nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài dự kiến khoảng 267,1 nghìn tỷ đồng, chiếm 19% tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội.

- Nguồn vốn khác dự kiến khoảng 30 nghìn tỷ đồng, chiếm 2,1% tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội.

4. Cân đối xuất nhập khẩu:

Xuất khẩu năm 2015 dự kiến đạt khoảng 160-161 tỷ USD, tăng khoảng 10% so với năm 2014; nhập khẩu khoảng 161-162 tỷ USD, tăng khoảng 11%. Nhập siêu ước khoảng 1 tỷ USD. Tỷ lệ nhập siêu so với kim ngạch xuất khẩu

tiếp tục duy trì ở mức dưới 5%.

5. Cán cân thanh toán quốc tế:

Cán cân thương mại năm 2015 dự kiến thặng dư 5,9 tỷ USD, cán cân vãng lai thặng dư 6,8 tỷ USD, cán cân vốn thặng dư 5,3 tỷ USD, cán cân tổng thể thặng dư 8,5 tỷ USD.

6. Cân đối về điện:

Nhu cầu điện năm 2015 dự kiến tăng khoảng 10% so với năm 2014, nhu cầu điện thương phẩm khoảng 139,15 tỷ kWh, điện sản xuất và mua năm 2015 khoảng 154,2 tỷ kWh.

Sớm hoàn thành và đưa vào hoạt động các công trình nguồn điện, lưới điện.

7. Cân đối về lương thực:

Dự kiến kế hoạch gieo trồng lúa năm 2015 cả nước là 7,4 triệu ha. Sản lượng lúa dự kiến đạt 42,5 triệu tấn, trong đó: sử dụng cho các nhu cầu trong nước khoảng 28 triệu tấn (để giống 0,8 triệu tấn, hao hụt và chăn nuôi 5,5 triệu tấn và tiêu dùng của dân cư là 21,7 triệu tấn), xuất khẩu khoảng 14,5 triệu tấn (tương đương trên 7 triệu tấn gạo).

IV. NHIỆM VỤ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH VÀ LĨNH VỰC

Với các mục tiêu nêu trên, nhiệm vụ định hướng phát triển ngành, lĩnh vực chủ yếu trong năm 2015 đề ra như sau:

1. Về phát triển kinh tế

Tiếp tục thực hiện Đề án tổng thể tái cơ cấu nền kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình phát triển và các đề án tái cơ cấu ngành, lĩnh vực theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh, mở rộng và đa dạng hóa các quan hệ kinh tế, thương mại và đầu tư với các nước, tăng cường tính tự chủ, độc lập của nền kinh tế, tránh sự phụ thuộc nhiều vào một thị trường. Rà soát, hoàn thiện quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội đối với các vùng kinh tế, địa phương, các lĩnh vực và ngành kinh tế. Phân đấu đạt tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) khoảng 6 - 6,2%.

Thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, khuyến khích đưa khoa học công nghệ vào sản xuất; chủ động sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, nhất là giống lúa lai F1; đẩy mạnh xây dựng các mô hình sản xuất theo hướng liên kết chặt chẽ giữa kinh tế hộ với doanh nghiệp, với

thị trường để đưa nông nghiệp lên sản xuất quy mô lớn, giá trị tăng cao; khuyến khích hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Phát triển mạnh kinh tế biển gắn với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển đảo. Thực hiện các chính sách hỗ trợ về vốn, dịch vụ trên biển và các biện pháp bảo vệ ngư trường, tạo điều kiện cho ngư dân yên tâm ra khơi đánh bắt và góp phần bảo vệ biển đảo của Tổ quốc.

Thực hiện tái cơ cấu công nghiệp, tập trung phát triển các sản phẩm công nghiệp có lợi thế cạnh tranh, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp phục vụ phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Đẩy mạnh công nghiệp chế biến sâu khoáng sản; hạn chế và tiến tới không xuất khẩu khoáng sản thô; phát triển mạnh các vùng sản xuất để chủ động cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp, thay thế dần nguyên liệu nhập khẩu; phát triển mạnh công nghiệp phụ trợ, nâng cao tỷ lệ nội địa hóa các sản phẩm gia công, lắp ráp. rà soát, nâng cao hiệu quả các khu kinh tế, các khu, cụm công nghiệp, bảo đảm an toàn, an ninh cho doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh. Đẩy mạnh các hoạt động ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại vào sản xuất. Tiếp tục tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, thực hiện các giải pháp và giải quyết nhanh các thủ tục hỗ trợ, giúp đỡ các doanh nghiệp khắc phục thiệt hại do sự cố và các hành vi vi phạm pháp luật gây ra tại một số địa phương trong thời gian qua.

Tập trung phát triển một số ngành dịch vụ có lợi thế, có giá trị gia tăng cao như du lịch, viễn thông, công nghệ thông tin, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm và các dịch vụ khác hỗ trợ kinh doanh. Phát triển mạnh thị trường trong nước, ban hành và triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình thúc đẩy xuất khẩu một số dịch vụ chủ yếu. Tăng cường công tác tuyên truyền, quảng bá, tiếp thị để nâng cao vị thế và uy tín của hàng hóa sản xuất trong nước thay thế hàng nhập khẩu, giảm bớt sự lệ thuộc vào bên ngoài. Chủ động xây dựng các chương trình phát triển sản xuất hàng hóa trong nước, trước hết là các nguyên vật liệu đầu vào quan trọng phục vụ sản xuất.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp mở rộng chuyển đổi thị trường, phát triển thị trường mới. Đẩy mạnh xuất khẩu, kiểm soát chặt chẽ nhập khẩu đối với những mặt hàng không khuyến khích. Đa dạng hóa các thị trường xuất khẩu, nhập khẩu, không để phụ thuộc vào một thị trường. Tăng cường quản lý

thị trường, chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, đầu cơ nâng giá, gây rối loạn thị trường. Thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, xử lý nghiêm các vi phạm. Tiếp tục thực hiện lộ trình điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ thiết yếu theo cơ chế thị trường. Phát triển mạnh mẽ các hoạt động thương mại điện tử.

Thúc đẩy quá trình tái cơ cấu đầu tư công theo hướng loại bỏ những dự án chưa thực sự cấp bách, đồng thời sử dụng hiệu quả các nguồn vốn cho phát triển kinh tế ở tất cả các ngành, lĩnh vực, đặc biệt đưa ra các giải pháp phù hợp để thu hút mạnh các nguồn lực ngoài Nhà nước cho đầu tư phát triển. Khẩn trương ban hành các văn bản hướng dẫn và triển khai thực hiện Luật Đầu tư công, Luật Đấu thầu. Có biện pháp để lựa chọn các nhà thầu có đủ năng lực, uy tín, khắc phục tình trạng yếu kém về năng lực tài chính, thi công, yếu kém về công nghệ, kéo dài thời gian thi công như hiện nay. Hoàn thiện khung pháp lý, thủ tục để đẩy mạnh thực hiện đầu tư theo hình thức đối tác công - tư (PPP), khuyến khích và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế, kể cả đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng. Tăng cường kiểm tra, giám sát, thanh tra, quản lý thống nhất, bảo đảm các dự án đầu tư phải theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Áp dụng các biện pháp chủ động để bảo đảm thực hiện đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng đúng tiến độ, nhất là các dự án, công trình quan trọng có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế của cả nước, của từng ngành và liên ngành.

Tham gia có hiệu quả các khu vực mậu dịch tự do với các đối tác kinh tế - thương mại. Có kế hoạch thực hiện các cam kết, tận dụng các cơ hội hội nhập và khắc phục những khó khăn, thách thức. Bảo vệ tài sản và an toàn tuyệt đối cho nhà đầu tư, tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài. Chủ động, tích cực phát huy vai trò thành viên Cộng đồng ASEAN để tận dụng cơ hội phát triển bền vững.

Cải thiện hơn nữa môi trường đầu tư, kinh doanh, tập trung vào các giải pháp về giảm chi phí gia nhập thị trường, tiếp cận đất đai và ổn định sử dụng đất, tăng cường tính minh bạch, nâng cao môi trường cạnh tranh bình đẳng.

Đẩy mạnh tái cơ cấu ngân hàng thương mại và xử lý nợ xấu. Mở cửa thị trường tín dụng và dịch vụ ngân hàng phù hợp với cam kết quốc tế. Thực hiện chính sách tiền tệ linh hoạt, hiệu quả; có chính sách tín dụng ưu đãi hỗ trợ ngư dân đầu tư phát triển phương tiện đánh bắt và các dịch vụ liên quan; phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa. Điều hành lãi suất phù hợp, tỷ giá

linh hoạt, thúc đẩy tăng trưởng bền vững, bảo đảm ổn định giá trị đồng Việt Nam, tăng dự trữ ngoại hối. Tập trung xử lý nợ xấu, bảo đảm an toàn hệ thống, thúc đẩy tín dụng cho nền kinh tế. Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi và các công cụ tài chính để thu hút các nguồn lực tài chính trong dân cư đưa vào sản xuất kinh doanh. Tăng cường quản lý thị trường, giá cả, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Phấn đấu kiểm soát lạm phát ở mức khoảng 7%.

Thực hiện giải pháp phù hợp phát triển ổn định thị trường chứng khoán, nâng cao hiệu quả huy động vốn cho doanh nghiệp.

Tập trung cải thiện môi trường kinh doanh, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước. Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan hành chính nhà nước, bảo đảm công khai, minh bạch trong thủ tục hành chính và thông tin doanh nghiệp.

Tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước. Doanh nghiệp nhà nước chỉ tập trung vào lĩnh vực then chốt, thiết yếu, địa bàn quan trọng, quốc phòng và an ninh. Đẩy mạnh cổ phần hóa, bán phần vốn nhà nước không cần nắm giữ, bao gồm cả những doanh nghiệp đang kinh doanh có hiệu quả theo nguyên tắc thị trường. Tách bạch nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh và dịch vụ công ích. Hoàn thiện cơ chế và mô hình thực hiện quyền sở hữu nhà nước và đại diện chủ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp. Tăng cường quản lý, giám sát, kiểm tra của chủ sở hữu. Xây dựng, hoàn thiện pháp luật, cơ chế, chính sách quản lý và đầu tư vốn nhà nước vào sản xuất, kinh doanh. Kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp nhà nước. Thực hiện công khai, minh bạch về kết quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước.

Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện Luật Hợp tác xã năm 2012: đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý và thành viên hợp tác xã, trong đó chú trọng công tác tuyên truyền Luật; rà soát điều lệ, tổ chức quản lý hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Hợp tác xã.

2. Về phát triển xã hội

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa XI) về một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020. Rà soát, điều chỉnh và triển khai đồng bộ các chính sách đối với người có công, dạy nghề, giải quyết việc làm, bảo trợ xã hội, giảm nghèo bền vững và bảo đảm an sinh xã hội, nhất là đối

với vùng sâu, vùng xa, đồng bào dân tộc, vùng ATK, các huyện nghèo và các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn. Thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất, đời sống đối với đồng bào dân tộc thiểu số. Nâng cao hiệu quả dạy nghề gắn với giải quyết việc làm, chủ động đào tạo cung cấp lao động có tay nghề, trình độ cho các khu kinh tế, khu công nghiệp tập trung và các dự án đầu tư lớn có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển đất nước; mở rộng thị trường xuất khẩu lao động. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách lao động, an toàn lao động và đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động.

Củng cố và nâng cao hiệu quả mạng lưới y tế dự phòng, chủ động phòng, chống dịch bệnh, không để dịch xảy ra. Thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách và lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân, giảm quá tải bệnh viện. Có cơ chế phù hợp quản lý hiệu quả giá thuốc chữa bệnh. Tăng cường thanh tra, kiểm tra chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm.

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 05/NQ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ về đẩy mạnh thực hiện các mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ của Liên hợp quốc trong lĩnh vực y tế. Phấn đấu khắc phục khó khăn duy trì các kết quả đã đạt được và hoàn thành thêm các chỉ tiêu của mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ vào năm 2015.

Triển khai thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển giáo dục và Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 (Khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Đẩy mạnh việc thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục. Nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học, nhất là các trường ngoài công lập, chất lượng đào tạo nguồn nhân lực. Tập trung xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục; rà soát quy hoạch lại mạng lưới các trường sư phạm. Tiếp tục thực hiện các biện pháp nâng cao tỷ lệ và chất lượng lao động qua đào tạo. Đẩy mạnh thực hiện Chiến lược phát triển dạy nghề, nâng cao chất lượng dạy nghề, tăng cường gắn kết giữa dạy nghề với thị trường lao động và sự tham gia của doanh nghiệp; tiếp tục đẩy mạnh hợp tác quốc tế về dạy nghề.

Tiếp tục triển khai Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XI) và Chiến lược về phát triển khoa học và công nghệ; tập trung thực hiện có hiệu quả các chương trình quốc gia về đổi mới công nghệ, phát triển công nghệ cao, sản phẩm quốc gia; đẩy mạnh triển khai Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách

nhiệm; mở rộng áp dụng cơ chế đặt hàng, khoán thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và cơ chế Quỹ phát triển khoa học và công nghệ. Phát triển thị trường khoa học công nghệ, dịch vụ tư vấn, thẩm định, giám định công nghệ. Tăng cường quản lý đo lường chất lượng và sở hữu trí tuệ; hỗ trợ địa phương và doanh nghiệp trong việc xác lập, bảo vệ và khai thác quyền sở hữu trí tuệ.

Triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 9 về văn hóa; đẩy mạnh xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Củng cố và xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh. Thực hiện xã hội hóa các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao. Tăng cường quản lý các lễ hội, hoạt động văn hóa, thể thao; hạn chế tối đa việc sử dụng ngân sách nhà nước để tổ chức lễ hội. Tích cực đấu tranh ngăn chặn các tệ nạn xã hội, nhất là ma túy, mại dâm.

Thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo. Chú trọng công tác chăm sóc và bảo vệ trẻ em, gia đình, bình đẳng giới. Thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam.

3. Về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

Triển khai hiệu quả Nghị quyết Trung ương 7 (Khóa XI) về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, Nghị quyết của Chính phủ về một số vấn đề cấp bách trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, Chiến lược phát triển bền vững, Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh.

Kiểm soát chặt chẽ các nguồn gây ô nhiễm, nhất là tại các làng nghề, các khu, cụm công nghiệp, lưu vực sông, cơ sở sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm; xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường; thúc đẩy phát triển, sử dụng năng lượng mới, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo. Tăng cường khả năng điều tiết các nguồn nước, sử dụng nước tiết kiệm, tăng cường khả năng tích nước cho mùa khô.

Làm tốt công tác bảo vệ và phát triển rừng. Nâng cao khả năng phòng chống và khắc phục hậu quả thiên tai, tìm kiếm cứu nạn.

Chủ động, thực hiện có hiệu quả các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Tiếp tục triển khai, thực hiện “Khung hướng dẫn ưu tiên thích ứng với biến đổi khí hậu trong quá trình lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội” (Quyết định số 1485/QĐ-BKH-ĐT ngày 17/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư), và lồng ghép những nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu trong công tác xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

4. Về cải cách hành chính; phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Hoàn thành việc hướng dẫn và triển khai Hiến pháp mới. Nâng cao chất lượng ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm tính phù hợp, khả thi và phát huy hiệu quả khi triển khai thực hiện.

Tiếp tục thực hiện đồng bộ, hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước. Tập trung đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu liên quan đến quản lý dân cư. Nhân rộng cơ chế một cửa. Đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức, xác định vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức; tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước. Xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực, nhũng nhiễu, vi phạm pháp luật trong hoạt động công vụ.

Triển khai có hiệu quả Luật, Chương trình hành động và Kết luận của Trường ban chỉ đạo Trung ương về phòng chống tham nhũng. Kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan chuyên trách về phòng, chống tham nhũng. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra để phòng ngừa, phát hiện, xử lý các hành vi tham nhũng.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo. Triển khai thực hiện Luật tiếp công dân. Đề cao trách nhiệm của lãnh đạo cấp ủy, chính quyền địa phương trong công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo; xử lý vụ việc ngay từ cơ sở, không để phát sinh thành điểm nóng; tập trung xử lý dứt điểm các vụ việc tồn đọng, phức tạp, kéo dài.

Rà soát, điều chỉnh các quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu đến năm 2020 phù hợp với thực tiễn triển khai thực hiện quy hoạch. Hạn chế việc lập mới các quy hoạch chưa thực sự cần thiết và cấp bách.

5. Về quốc phòng, an ninh; công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế

Tiếp tục tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu. Có các phương án tác chiến cụ thể ứng phó kịp thời các tình huống xảy ra, không để bị động, bất ngờ. Cũng cố nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, nhất là tại các địa bàn trọng điểm. Thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng, bảo đảm an ninh kết hợp với phát triển kinh tế. Tiếp cận khoa học công nghệ tiên tiến, làm chủ trang thiết bị kỹ thuật, vũ khí, khí tài hiện đại.

Thực hiện quyết liệt, bằng sức mạnh tổng hợp và các giải pháp đồng bộ, tăng cường lực lượng thực thi pháp luật trên biển, kiên quyết đấu tranh bảo vệ chủ quyền và lợi ích quốc gia ở biển Đông. Nỗ lực giải quyết tình hình phức tạp bằng biện pháp hòa bình trên cơ sở luật pháp quốc tế, nhất là Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển 1982 (UNCLOS) và Tuyên bố về cách ứng xử của các bên ở biển Đông (DOC); tranh thủ sự ủng hộ, đồng tình của cộng đồng quốc tế. Phát huy tinh thần yêu nước và sức mạnh của toàn dân tộc trong bảo vệ chủ quyền quốc gia. Chủ động thực hiện đồng bộ các biện pháp kiên quyết ngăn chặn, xử lý nghiêm các hành vi kích động, manh động, vi phạm pháp luật, ảnh hưởng xấu đến hình ảnh đất nước và con người Việt Nam; tăng cường chủ động nắm chắc và dự báo sát tình hình; kiên quyết kiểm soát chặt chẽ các đối tượng xấu, chủ mưu cầm đầu kích động, xử lý kịp thời, bảo đảm an ninh trật tự và an toàn tính mạng, tài sản và điều kiện sản xuất, kinh doanh bình thường của mọi cá nhân, tổ chức, nhất là doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Triển khai có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia về phòng chống tội phạm, ma túy, mua bán người. Kiên quyết triệt phá các băng nhóm tội phạm. Thực hiện quyết liệt Chiến lược quốc gia về bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ và các giải pháp đồng bộ đã đề ra về an toàn giao thông. Xử lý nghiêm các vi phạm. Đổi mới công tác tuyên truyền giáo dục để nâng cao ý thức của người tham gia giao thông, nhất là tại vùng nông thôn.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả đường lối, chính sách đối ngoại và hội nhập quốc tế của Đảng và Nhà nước; bảo đảm độc lập, tự chủ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; đưa các mối quan hệ đã thiết lập đi vào chiều sâu, hiệu quả. Nâng cao hơn nữa vai trò và trách nhiệm của Việt Nam trong ASEAN, Liên hợp quốc và các diễn đàn khu vực và quốc tế. Tích cực, chủ động đàm phán và sớm ký kết các Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA), Hiệp định đối tác thương mại xuyên Thái Bình Dương (TPP).

Thực hiện tốt công tác người Việt Nam ở nước ngoài, công tác bảo hộ công dân, bảo vệ ngư dân hoạt động trên biển. Chủ động đối thoại về dân chủ, nhân quyền và tôn giáo.

6. Về công tác thông tin tuyên truyền

Các cấp, các ngành phải thường xuyên cung cấp thông tin kịp thời cho các cơ quan thông tin đại chúng, trước hết là các thông tin về chủ trương, đường lối, cơ chế, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thông tin về tình hình kinh tế - xã hội, môi trường đầu tư và các thông tin liên quan đến tình hình trong nước và quốc tế, bảo vệ chủ quyền biển, đảo,... để nhân dân hiểu rõ về tình hình và chính sách của Đảng, Nhà nước; từ đó tạo sự đồng thuận trong nhân dân, chung sức chung lòng thực hiện tốt các mục tiêu trên cơ sở kế hoạch đã đề ra.

V. TIẾN ĐỘ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2015

Các nội dung phân công, quy trình, tiến độ và nhiệm vụ xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2015 của các bộ, ngành, địa phương được thực hiện theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2015. Cụ thể như sau:

- Các bộ, ngành, địa phương căn cứ vào Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và Khung hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, hướng dẫn của Bộ Tài chính và điều kiện của bộ, ngành, địa phương mình, tiến hành xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2015, gửi báo cáo đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 20 tháng 7 năm 2014.

- Trong tháng 8 năm 2014, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức làm việc để thảo luận về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2015 của các bộ, ngành, địa phương và tiến hành tổng hợp Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2015 của cả nước.

- Trước ngày 10 tháng 9 năm 2014, các bộ, ngành, địa phương, tiếp thu ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan, hoàn chỉnh Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2015 gửi lại Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Trong tháng 9 năm 2014, Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Chính phủ



Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2015 đề Chính phủ cho ý kiến, hoàn chỉnh, trình Quốc hội theo quy định.

- Trước ngày 20 tháng 11 năm 2014, căn cứ các Nghị quyết của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2015 cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các địa phương, các cơ quan, đơn vị khác.

Trên đây là nội dung khung hướng dẫn xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2015. Đề nghị các bộ, ngành, địa phương căn cứ vào Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, Khung hướng dẫn này, hướng dẫn của Bộ Tài chính về xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2015 và tình hình, đặc điểm cụ thể của từng bộ, ngành, địa phương, khẩn trương xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2015 và gửi Báo cáo bằng văn bản về Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2 bản), Bộ Tài chính trước ngày 20 tháng 7 năm 2014, đồng thời gửi kèm file theo địa chỉ e-mail: thktqd@mpi.gov.vn để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để b/c TTCP);
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ và các cơ quan khác ở trung ương;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Các Tập đoàn kinh tế nhà nước, Tổng công ty 91;
- Ngân hàng phát triển Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Bộ KH&ĐT: Lãnh đạo Bộ, các đơn vị trực thuộc Bộ, Công TTĐT;
- Lưu: VT, Vụ THKTQD (10b).

BỘ TRƯỞNG



Bùi Quang Vinh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

SAO Y BẢN CHÍNH

Số: 1103/ SY-UBND

Bình Định, ngày 02 tháng 7 năm 2014

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP, K1, K8;
- Lưu: VT (12b).

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ VĂN PHÒNG**



Nguyễn Thái Bình

Phụ lục 1

Các biểu mẫu xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2015 của các cơ quan Trung ương

(Kèm theo công văn số 3978/BKHDT-TH ngày 24 tháng 6 năm 2014)

Biểu 1: Các chỉ tiêu sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản

Biểu 2: Các chỉ tiêu sản xuất công nghiệp và xây dựng

Biểu 3: Các chỉ tiêu dịch vụ

Biểu 4: Các chỉ tiêu xuất khẩu, nhập khẩu

Biểu 5: Cân đối ngân sách nhà nước

Biểu 6: Cán cân thanh toán quốc tế

Biểu 7: Các chỉ tiêu tiền tệ

Biểu 8: Các chỉ tiêu xã hội

Biểu 9: Các chỉ tiêu giáo dục và đào tạo

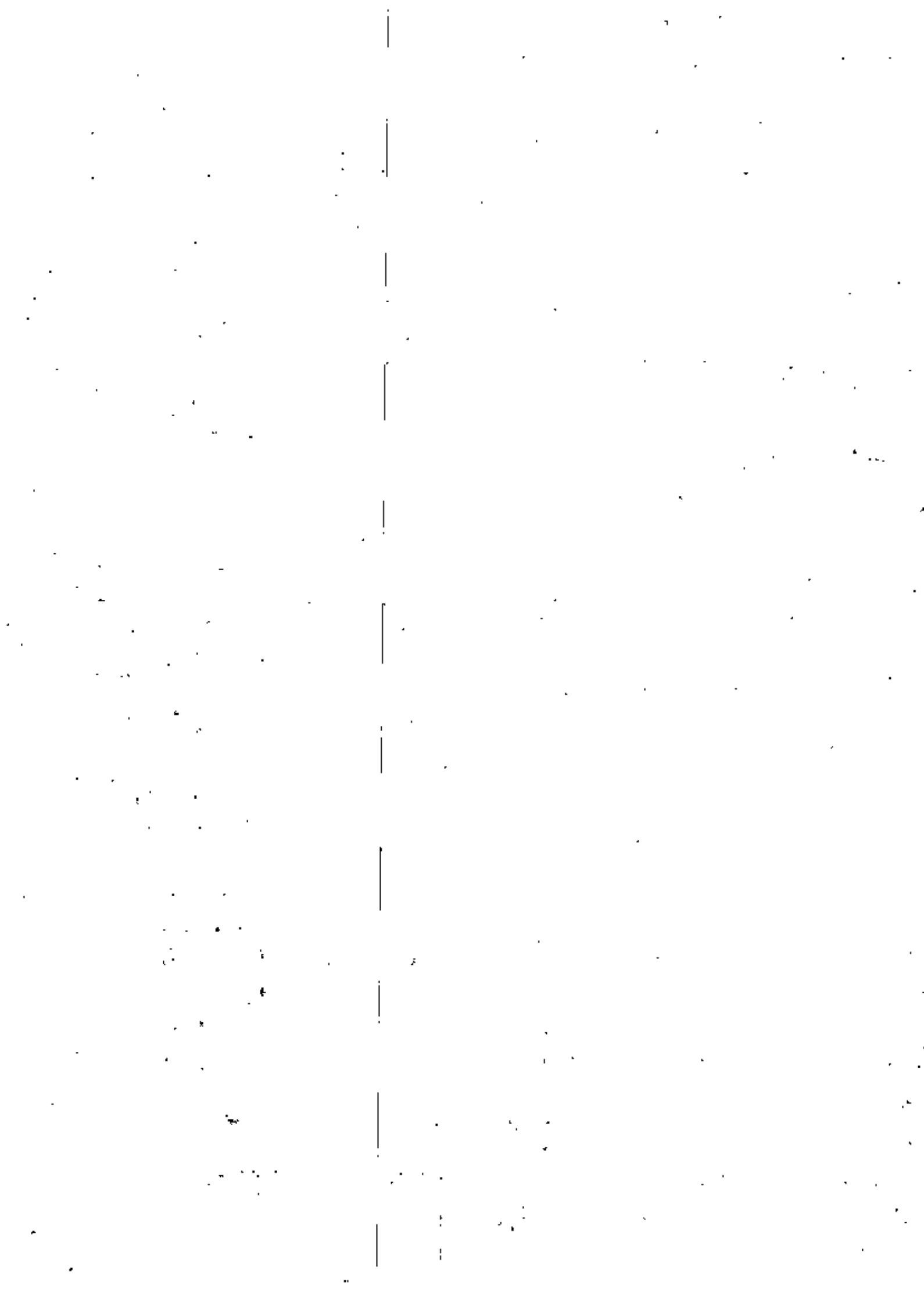
Biểu 10: Các chỉ tiêu môi trường

Biểu 11: Đầu tư trực tiếp nước ngoài

Biểu 12: Chỉ tiêu thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia

Biểu 13: Năng lực mới tăng thêm

Biểu 14: Danh mục các dự án quy hoạch



Phụ lục 2

Các biểu mẫu xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2015 của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

(Kèm theo công văn số 3978/BKHDT-TH ngày 24 tháng 6 năm 2014)

Biểu 1: Các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp

Biểu 2: Các chỉ tiêu nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, xuất nhập khẩu

Biểu 3: Các chỉ tiêu xã hội

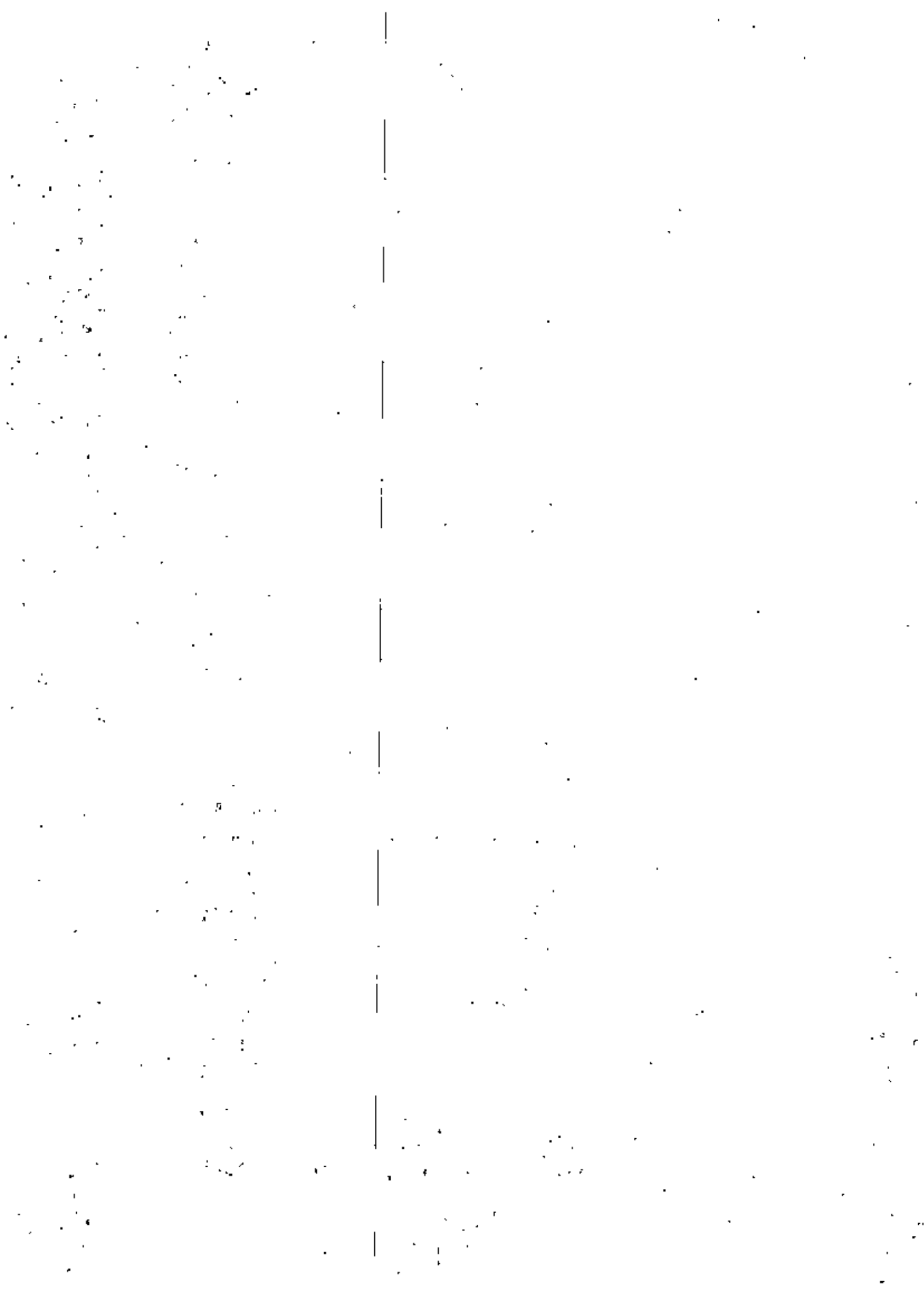
Biểu 4: Các chỉ tiêu môi trường và phát triển bền vững

Biểu 5: Các chỉ tiêu phát triển doanh nghiệp và kinh tế tập thể

Biểu 6: Đầu tư trực tiếp nước ngoài

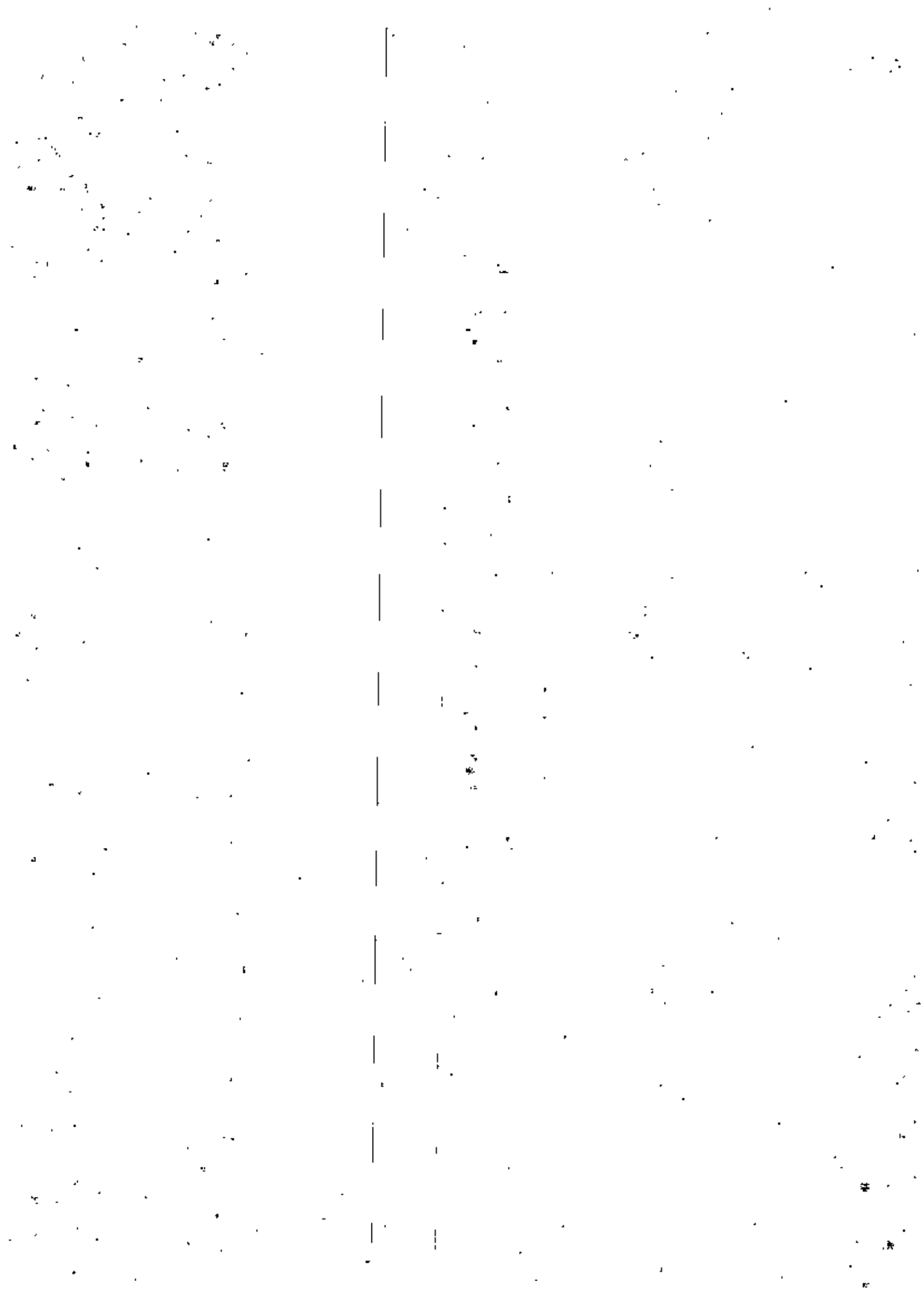
Biểu 7: Chỉ tiêu thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia

Biểu 8: Danh mục các dự án quy hoạch



Phụ lục 2

HỆ THỐNG MẪU BIỂU
XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2015
CỦA CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG
(Kèm theo công văn số 3978/BKHDT-TH ngày 24 tháng 6 năm 2014)



Biểu số 1

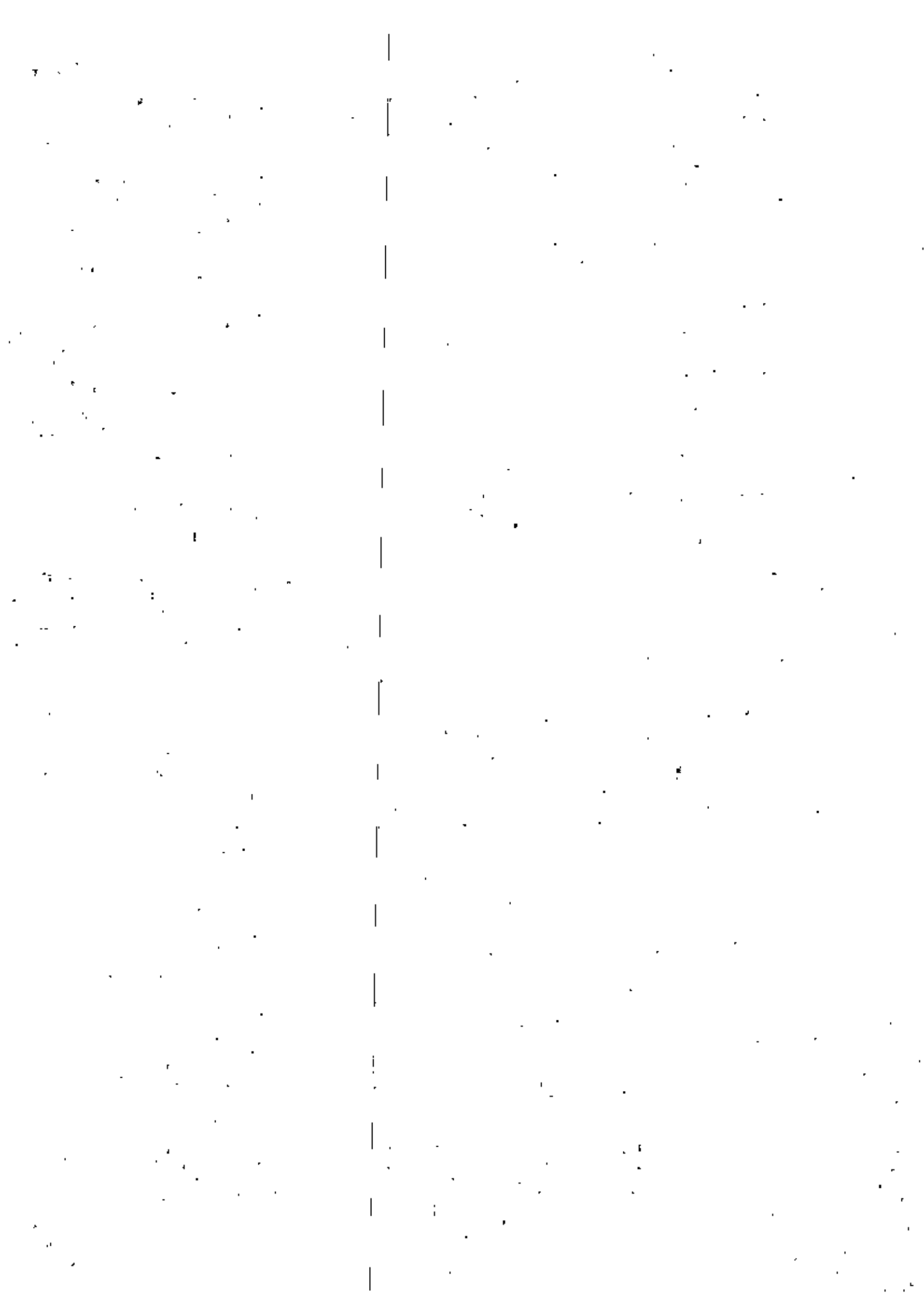
Tỉnh, thành phố

CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ TỔNG HỢP

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2013	Năm 2014			Kế hoạch 2015	Ước thực hiện 2014 so với thực hiện 2013 (%)	Kế hoạch 2015 so với ước thực hiện 2014 (%)
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm			
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9=7/4</i>	<i>10=8/7</i>
1	Tổng giá trị gia tăng (giá so sánh năm 2010)	Tỷ đồng							
	<i>Trong đó:</i>								
	+ Nông, lâm nghiệp, thủy sản	Tỷ đồng							
	+ Công nghiệp và xây dựng	Tỷ đồng							
	+ Dịch vụ	Tỷ đồng							
2	Tổng giá trị gia tăng (giá hiện hành)	Tỷ đồng							
	<i>Trong đó:</i>								
	+ Nông, lâm nghiệp, thủy sản	Tỷ đồng							
	+ Công nghiệp và xây dựng	Tỷ đồng							
	+ Dịch vụ	Tỷ đồng							
3	Giá trị gia tăng bình quân đầu người	Triệu đồng							
4	Cơ cấu Tổng giá trị gia tăng theo ngành kinh tế (giá hiện hành)								
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%							
	- Công nghiệp và xây dựng	%							
	- Dịch vụ	%							

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2013	Năm 2014			Kế hoạch 2015	Ước thực hiện 2014 so với thực hiện 2013 (%)	Kế hoạch 2015 so với ước thực hiện 2014 (%)
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm			
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7/4	10=8/7
5	Cơ cấu Tổng giá trị gia tăng theo thành phần kinh tế (giá hiện hành)								
	- Quốc doanh Trung ương	%							
	- Quốc doanh địa phương	%							
	- Kinh tế ngoài quốc doanh	%							
	- Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	%							
6	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn	Tỷ đồng							
7	Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn	Triệu USD							
	Trong đó: Xuất khẩu địa phương (quản lý)	Triệu USD							
8	Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa trên địa bàn	Triệu USD							
	Trong đó: Nhập khẩu địa phương (quản lý)	Triệu USD							
9	Thu Ngân sách Nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng							
	Trong đó:								
	- Thu thuế xuất, nhập khẩu	Tỷ đồng							
	- Thu nội địa	Tỷ đồng							
	Trong đó:								
	+ Thu từ kinh tế Trung ương	Tỷ đồng							
	+ Thu quốc doanh địa phương	Tỷ đồng							
	+ Thu ngoài quốc doanh	Tỷ đồng							

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2013	Năm 2014			Kế hoạch 2015	Ước thực hiện 2014 so với thực hiện 2013 (%)	Kế hoạch 2015 so với ước thực hiện 2014 (%)
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm			
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7/4	10=8/7
	+ Thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	Tỷ đồng							
10	Ngân sách Trung ương bổ sung cho ngân sách địa phương (hoặc điều tiết về Ngân sách Trung ương)	Tỷ đồng							
11	Chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng							
a)	Chi đầu tư phát triển do địa phương quản lý	Tỷ đồng							
	- Vốn cân đối ngân sách địa phương	Tỷ đồng							
	<i>Trong đó: Đầu tư từ nguồn sử dụng đất</i>	Tỷ đồng							
	- Hỗ trợ có mục tiêu từ Ngân sách Trung ương	Tỷ đồng							
	- Nguồn ngân sách khác	Tỷ đồng							
b)	Chi thường xuyên	Tỷ đồng							
12	Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn	Tỷ đồng							
	- Trung ương quản lý	Tỷ đồng							
	- Địa phương quản lý	Tỷ đồng							
	- Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)	Triệu USD							
	<i>Trong đó:</i>								
	+ Bên Việt Nam	Triệu USD							
	+ Bên nước ngoài	Triệu USD							



CÁC CHỈ TIÊU NÔNG NGHIỆP, CÔNG NGHIỆP, DỊCH VỤ, XUẤT NHẬP KHẨU

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2013	Năm 2014			Kế hoạch 2015	Ước thực hiện 2014 so với thực hiện 2013 (%)	Kế hoạch 2015 so với ước thực hiện 2014 (%)
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm			
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7/4	10=8/7
A	NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN								
1	Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản theo giá so sánh 2010	Tỷ đồng							
	- Nông nghiệp:	Tỷ đồng							
	- Trồng trọt	Tỷ đồng							
	- Chăn nuôi	Tỷ đồng							
	- Dịch vụ	Tỷ đồng							
	- Lâm nghiệp	Tỷ đồng							
	- Thủy sản:	Tỷ đồng							
	- Nuôi trồng	Tỷ đồng							
	- Khai thác	Tỷ đồng							
2	Sản phẩm chủ yếu:								
	Cây lương thực có hạt								
	...								
	Cây công nghiệp hàng năm								
	...								

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2013	Năm 2014			Kế hoạch 2015	Ước thực hiện 2014 so với thực hiện 2013 (%)	Kế hoạch 2015 so với ước thực hiện 2014 (%)
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm			
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7/4	10=8/7
	Cây công nghiệp lâu năm								
	...								
	Cây ăn quả:								
	..								
3	Lâm nghiệp								
	- Diện tích rừng trồng tập trung	Nghìn ha							
	- Diện tích trồng cây phân tán	Nghìn ha							
	- Tỷ lệ che phủ rừng	%							
	- Sản lượng gỗ khai thác	Nghìn m3							
	- Gỗ tự nhiên	Nghìn m3							
	- Gỗ rừng trồng	Nghìn m3							
4	Chăn nuôi								
	- Thịt hơi các loại	Nghìn tấn							
									
	- Sản lượng đánh bắt và nuôi trồng thủy sản	Nghìn tấn							
	Chia ra:								
	+ Sản lượng nuôi trồng thủy sản	Nghìn tấn							
	Trong đó: Sản lượng tôm	Nghìn tấn							

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2013	Năm 2014			Kế hoạch 2015	Ước thực hiện 2014 so với thực hiện 2013 (%)	Kế hoạch 2015 so với ước thực hiện 2014 (%)
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm			
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7/4	10=8/7
	+ Sản lượng khai thác hải sản	Nghìn tấn							
									
B	CÔNG NGHIỆP								
1	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) so với cùng kỳ theo gốc năm 2010	%							
	- Công nghiệp khai khoáng								
	- Công nghiệp chế biến, chế tạo	%							
	- Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước	%							
	- Cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải	%							
2	Một số sản phẩm chủ yếu:								
	- ...								
C	DỊCH VỤ								
	- Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (giá hiện hành)	Tỷ đồng							
	- Doanh thu ngành dịch vụ (giá hiện hành)	Tỷ đồng							
	Trong đó:								
	+ Tài chính - ngân hàng	Tỷ đồng							
	+ Vận tải	Tỷ đồng							

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2013	Năm 2014			Kế hoạch 2015	Ước thực hiện 2014 so với thực hiện 2013 (%)	Kế hoạch 2015 so với ước thực hiện 2014 (%)
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm			
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7/4	10=8/7
	+ Khách sạn - Nhà hàng - dịch vụ du lịch	Tỷ đồng							
D	XUẤT NHẬP KHẨU								
	- Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu:								
	+ ...	Triệu USD							
	- Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu:								
	+ ...	Triệu USD							

CÁC CHỈ TIÊU XÃ HỘI

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2013	Năm 2014			Kế hoạch 2015	Ước thực hiện 2014 so với thực hiện 2013 (%)	Kế hoạch 2015 so với ước thực hiện 2014 (%)
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm			
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7/4	10=8/7
I	DÂN SỐ								
	- Dân số trung bình	Triệu người							
	- Tỷ lệ tăng dân số	%							
	- Mức giảm tỷ lệ sinh	‰							
	- Tỷ số giới tính khi sinh (số bé trai so với 100 bé gái)								
	- Tuổi thọ trung bình	Tuổi							
II	LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM								
	- Tổng số lao động đang làm việc	Ngh. người							
	- Số lao động được tạo việc làm	Ngh. người							
	Trong đó: Nữ	Triệu người							
	- Số lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Ngh. người							
	- Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động	%							
III	GIẢM NGHÈO								
	- Tổng số hộ của toàn tỉnh/thành phố	Nghìn hộ							

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2013	Năm 2014			Kế hoạch 2015	Ước thực hiện 2014 so với thực hiện 2013 (%)	Kế hoạch 2015 so với ước thực hiện 2014 (%)
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm			
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7/4	10=8/7
	- Số hộ nghèo	Nghìn hộ							
	- Tỷ lệ hộ nghèo	%							
	- Số hộ thiếu đói trong năm	hộ							
	- Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%							
	- Số hộ cận nghèo	Nghìn hộ							
	- Tỷ lệ hộ cận nghèo	%							
	- Số hộ thoát nghèo	Nghìn hộ							
	- Số hộ tái nghèo	Nghìn hộ							
IV	CUNG CẤP CÁC DỊCH VỤ CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU								
	- Tổng số xã của toàn tỉnh/thành phố	Xã							
	<i>Trong đó:</i>								
	+ Số xã đặc biệt khó khăn (theo tiêu chuẩn của Chương trình 135)	Xã							
	+ Số xã có đường ô tô đến trung tâm	Xã							
	+ Tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm	%							
	+ Số xã có trạm y tế	Xã							
	+ Tỷ lệ xã có trạm y tế	%							

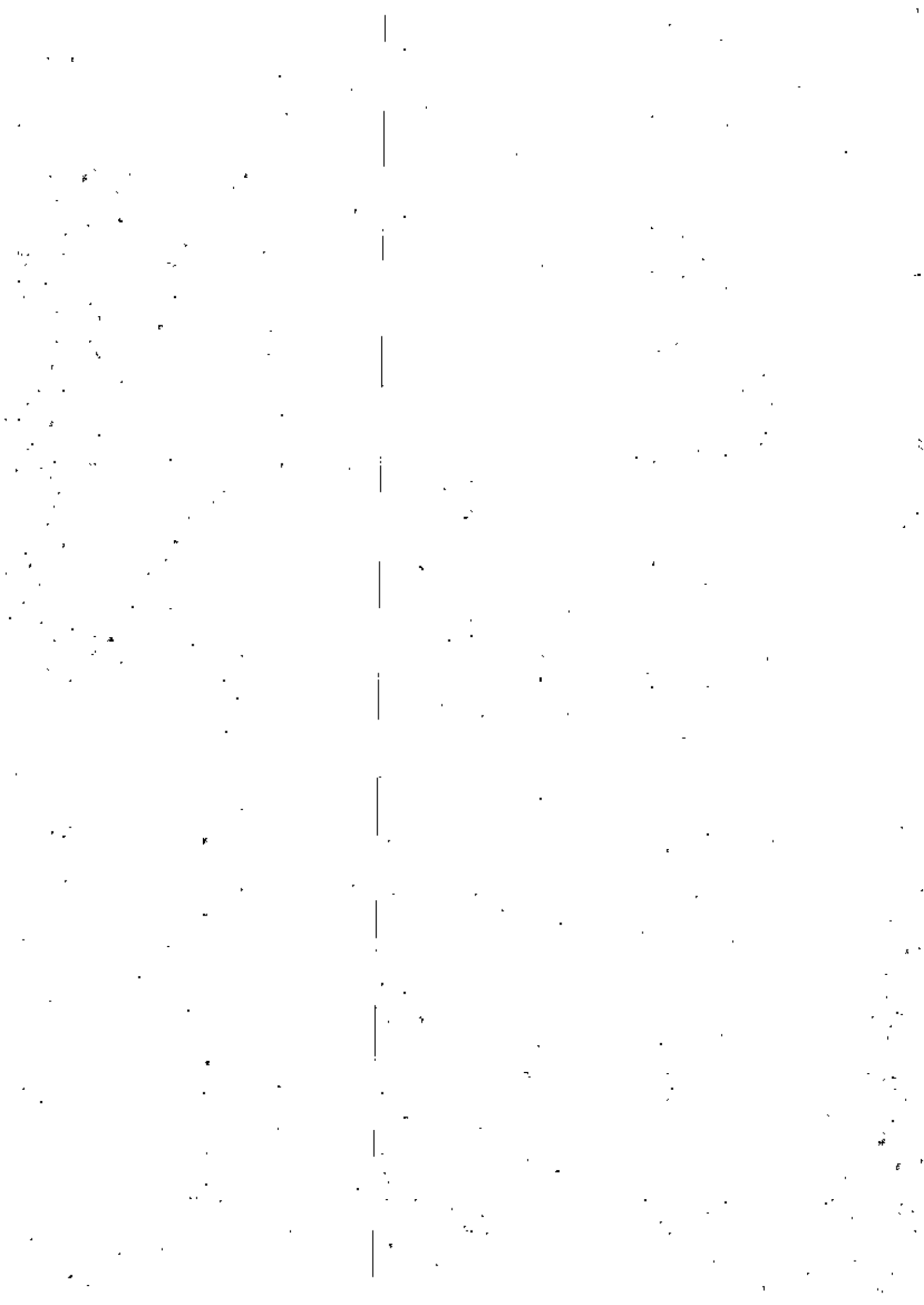
TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2013	Năm 2014			Kế hoạch 2015	Ước thực hiện 2014 so với thực hiện 2013 (%)	Kế hoạch 2015 so với ước thực hiện 2014 (%)
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm			
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7/4	10=8/7
	+ Số xã có bưu điện văn hoá xã	Xã							
	+ Tỷ lệ xã có bưu điện văn hoá xã	%							
	+ Số xã có chợ xã, liên xã	xã							
	+ Tỷ lệ xã có chợ xã, liên xã	%							
	- Số hộ được sử dụng điện	Hộ							
	- Tỷ lệ hộ được sử dụng điện	%							
	- Số hộ được sử dụng nước sạch	Hộ							
	- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch	%							
	Trong đó:								
	+ Khu vực thành thị	%							
	+ Khu vực nông thôn	%							
	- Tỷ lệ dân số nông thôn được cấp nước hợp vệ sinh	%							
	- Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch	%							
V	Y TẾ - XÃ HỘI								
	- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%							
	- Số người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc	Nghìn người							
	- Số giường bệnh/10.000 dân (không tính giường trạm y tế xã)	Giường							

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2013	Năm 2014			Kế hoạch 2015	Ước thực hiện 2014 so với thực hiện 2013 (%)	Kế hoạch 2015 so với ước thực hiện 2014 (%)
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm			
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7/4	10=8/7
	- Số bác sỹ/10.000 dân	Bác sỹ							
	- Tỷ lệ trạm y tế đạt chuẩn quốc gia về y tế (theo chuẩn mới 2011-2020)	%							
	- Tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 5 tuổi	‰							
	- Tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 1 tuổi	‰							
	- Tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi	%							
	- Tỷ suất chết mẹ/100.000 trẻ đẻ sống	cá							
	- Số xã, phường đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em	xã, phường							
	- Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em	%							
VI	VĂN HOÁ								
	- Số xã phường có nhà văn hoá, thư viện	xã, phường		—	—	—	—	—	—
	- Thời lượng phát thanh bằng tiếng dân tộc	Giờ/năm							
	- Số hộ xem được Đài Truyền hình Việt Nam	Hộ							
	- Tỷ lệ hộ xem được Đài Truyền hình Việt Nam	%							
	- Số hộ nghe được Đài Tiếng nói Việt Nam	Hộ							
	- Tỷ lệ hộ nghe được Đài Tiếng nói Việt Nam	%							
VII	GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO								
	- Tổng số học sinh đầu năm học	Học sinh							
	+ Mẫu giáo	Học sinh							

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2013	Năm 2014			Kế hoạch 2015	Ước thực hiện 2014 so với thực hiện 2013 (%)	Kế hoạch 2015 so với ước thực hiện 2014 (%)
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm			
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7/4	10=8/7
	+ Tiểu học	Học sinh							
	- Trung học cơ sở	Học sinh							
	+ Trung học phổ thông	Học sinh							
	- Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo	%							
	- Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi:	%							
	+ Tiểu học	%							
	+ Trung học cơ sở	%							

CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2013	Năm 2014			Kế hoạch 2015	Ước thực hiện 2014 so với thực hiện 2013 (%)	Kế hoạch 2015 so với ước thực hiện 2014 (%)
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm			
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7/4	10=8/7
1	Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom	%							
2	Số cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định 64/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ được xử lý	%							
3	Số khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động	Khu							
4	Số khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	Khu							
5	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%							



CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VÀ KINH TẾ TẬP THỂ

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2013	Năm 2014			Kế hoạch 2015	Ước thực hiện 2014 so với thực hiện 2013 (%)	Kế hoạch 2015 so với ước thực hiện 2014 (%)
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm			
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7/4	10=8/7
A	PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP								
I	Doanh nghiệp Nhà nước (DNNN)								
1	Số DNNN đang hoạt động	DN							
	Trong đó: - Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước - Doanh nghiệp > 50% vốn Nhà nước	DN							
2	Số DNNN cổ phần hóa	DN							
3	Số DNNN thực hiện hình thức sắp xếp khác (thoái vốn, giao bán, hợp nhất, giải thể, phá sản...)	DN							
4	Tổng vốn chủ sở hữu tại doanh nghiệp	Triệu đồng							
5	Tổng vốn Điều lệ	Triệu đồng							
6	Đóng góp ngân sách	Triệu đồng							
II	Doanh nghiệp ngoài nhà nước								
1	Số doanh nghiệp đang hoạt động lũy kế đến kỳ báo cáo	DN							
2	Số doanh nghiệp kinh doanh có lãi	DN							
3	Số lao động trong doanh nghiệp	Người							

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2013	Năm 2014			Kế hoạch 2015	Ước thực hiện 2014 so với thực hiện 2013 (%)	Kế hoạch 2015 so với trước thực hiện 2014 (%)
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm			
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7/4	10=8/7
	<i>Trong đó lao động nữ</i>	<i>Người</i>							
4	Thu nhập bình quân người lao động	Triệu đồng							
5	Tổng vốn đầu tư thực hiện	Triệu đồng							
6	Doanh thu thuần	Triệu đồng							
7	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng							
8	Đóng góp ngân sách	Triệu đồng							
9	Tổng ngân sách thực hiện các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn	Triệu đồng							
B	PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ								
1	Tổng số hợp tác xã	HTX							
--	<i>- Trong đó: thành lập mới</i>	<i>HTX</i>							
2	Tổng số Liên hiệp hợp tác xã	LHHTX							
	<i>Trong đó: thành lập mới</i>	<i>LHHTX</i>							
3	Tổng số xã viên hợp tác xã	người							
	<i>Trong đó: Xã viên mới</i>	<i>người</i>							
4	Tổng doanh thu hợp tác xã	Triệu đồng							
	<i>Trong đó: doanh thu cung ứng cho xã viên</i>	<i>Triệu đồng</i>							
5	Tổng số lãi trước thuế của hợp tác xã	Triệu đồng							
6	Tổng số cán bộ quản lý hợp tác xã	Người							
	<i>Trong đó: ÷ Số có trình độ trung cấp, cao đẳng</i>	<i>Người</i>							

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2013	Năm 2014			Kế hoạch 2015	Ước thực hiện 2014 so với thực hiện 2013 (%)	Kế hoạch 2015 so với ước thực hiện 2014 (%)
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm			
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7/4	10=8/7
	÷ Số có trình độ Đại học trở lên	Người							
7	Tổng số lao động trong HTX	Người							
	Trong đó: tổng số lao động là xã viên HTX	Người							
8	Thu nhập bình quân một lao động của HTX	Triệu đồng							

Biểu số 6

Tỉnh, thành phố

ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI

Mã chủ tiêu	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2013	6 tháng đầu năm 2014			Cả năm 2014			Dự kiến 2015	
				6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2014	Số cùng kỳ (%)	Kế hoạch 2014	Ước TH 2014	Ước TH 2014/ TH 2013 (%)	Kế hoạch 2015	Kế hoạch 2015/ Ước TH 2014 (%)
1	2	3	4	5	6	7=(6)/(5)	8	9	10=(9)/(4)	11	12=(11)/(9)
A	Tình hình thực hiện										
A1	Vốn đầu tư thực hiện	Triệu USD									
A2	Trong đó, từ nước ngoài	Triệu USD									
A3	Doanh thu	Triệu USD									
A4	Số lao động	người									
A5	Nộp ngân sách	Triệu USD									
B	Tình hình cấp giấy chứng nhận đầu tư										
B1	Cấp mới										
B11	Số dự án	Dự án									
B12	Vốn đầu tư đăng ký mới	Triệu USD									
B2	Điều chỉnh vốn										
B21	Số lượt dự án điều chỉnh tăng vốn	lượt dự án									
B22	Vốn đầu tư điều chỉnh tăng	Triệu USD									
B23	Số lượt dự án điều chỉnh giảm vốn	lượt dự án									

Mã chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2013	6 tháng đầu năm 2014			Cả năm 2014			Dự kiến 2015	
				6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2014	Số cùng kỳ (%)	Kế hoạch 2014	Ước TH 2014	Ước TH 2014/ TH 2013 (%)	Kế hoạch 2015	Kế hoạch 2015/ Ước TH 2014 (%)
1	2	3	4	5	6	7=(6)/(5)	8	9	10=(9)/(4)	11	12=(11)/(9)
B24	Vốn đầu tư điều chỉnh giảm	Triệu USD									
B3	Vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm	Triệu USD									
C	Tình hình thu hồi giấy chứng nhận đầu tư						(*)				
C1	Số dự án	Dự án									
C2	Vốn đăng ký	Triệu USD									
D	Tình hình tiếp nhận										
D1	Số dự án tiếp nhận	Dự án									
D2	Vốn đăng ký của các dự án tiếp nhận	Triệu USD									
	Trong đó, đã cấp giấy chứng nhận đầu tư										
D3	Số dự án	Dự án									
D4	Vốn đăng ký	Triệu USD									
	Chưa cấp										
D5	Số dự án	Dự án									
D6	Vốn đăng ký	Triệu USD									

Chú thích

(*) Không áp dụng

B21 và H23 ghi số lượt điều chỉnh vốn (ví dụ 1 dự án điều chỉnh vốn 2 lần trong kỳ báo cáo thì tính là 2 lượt)

B3=B12+B22-B24

D1=D3+D5; D2=D4+D6

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN QUY HOẠCH

Đơn vị: Triệu đồng

TT		Cấp phê duyệt	Thời gian bắt đầu - kết thúc	Tổng dự toán được duyệt	Năm 2014		Kế hoạch năm 2015		
					Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	Tổng số	Trong đó	
								Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ								
1	Dự án quy hoạch chuyển tiếp:								
	- Dự án quy hoạch.....								
	- Dự án quy hoạch.....								
2	Dự án quy hoạch triển khai mới:								
	- Dự án quy hoạch.....								
	- Dự án quy hoạch.....								

Ghi chú: Tập trung vào điều chỉnh các quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020 cho phù hợp với thực tiễn triển khai thực hiện quy hoạch. Hạn chế triển khai lập mới quy hoạch, trừ trường hợp thực sự cần thiết và cấp bách

RECEIVED
JAN 10 1976
U.S. DEPARTMENT OF JUSTICE
FEDERAL BUREAU OF INVESTIGATION
WASHINGTON, D.C.